



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 98 + 99

Ngày 15 tháng 3 năm 2026

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

06-02-2026	Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND quy định về danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	03
06-02-2026	Nghị quyết số 02/2026/NQ-HĐND quy định chế độ hỗ trợ cho lực lượng tham gia thực hiện các kế hoạch cao điểm xây dựng, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành trọng điểm ưu tiên triển khai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	30
06-02-2026	Nghị quyết số 03/2026/NQ-HĐND quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và cấp xã trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.	33

- 06-02-2026 Nghị quyết số 04/2026/NQ-HĐND quy định chính sách đặc thù về trang bị báo Đảng tại Thành phố Hồ Chí Minh. 37

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 01-02-2026 Quyết định số 05/2026/QĐ-UBND ban hành Quy định về thu hút chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt của Thành phố Hồ Chí Minh. 40
- 09-02-2026 Quyết định số 06/2026/QĐ-UBND quy định phân cấp quản lý, bảo vệ, thực hiện các biện pháp ngăn chặn và xử lý các hành vi lấn chiếm đất dành cho đường sắt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 61
- 10-02-2026 Quyết định số 07/2026/QĐ-UBND phân cấp cho Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh về cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa cho hàng hóa của các doanh nghiệp trong khu chế xuất, khu công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh. 65
- 10-02-2026 Quyết định số 08/2026/QĐ-UBND quy định về phân cấp cho Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố trong lĩnh vực dược và trẻ em trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 69
- 10-02-2026 Quyết định số 09/2026/QĐ-UBND ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 73

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/2026/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng
nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa
đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính
sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị
quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột
phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều
và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp
luật;*

*Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số
điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành*

văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 127/TTr-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định về danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 13/BC-BPC ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định về danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định các nội dung sau đây:

a) Tổng mức chi trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật gồm: nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố, quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, nghị quyết của Hội đồng nhân dân các phường, xã, đặc khu và quyết định của Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu.

b) Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Hội đồng nhân dân các phường, xã, đặc khu và Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu.

2. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, Nghị định số 289/2025/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc được giao nhiệm vụ trong công tác xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật.
2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đảm bảo kinh phí phục vụ công tác xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật.
3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Tổng mức chi trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật tại Thành phố Hồ Chí Minh

1. Tổng mức chi trong xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố, Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15, cụ thể:

- a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố: 250.000.000 đồng/văn bản;
- b) Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố: 100.000.000 đồng/văn bản.

2. Tổng mức chi trong xây dựng Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố: 30.000.000 đồng/văn bản.

3. Hội đồng nhân dân các phường, xã và đặc khu quyết định theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP về tổng mức chi trong xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân các phường, xã, đặc khu và quyết định của Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu dựa trên khả năng cân đối ngân sách, thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tình hình thực tế và trên cơ sở tham chiếu mức chi sau đây:

- a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các phường, xã và đặc khu: 10.000.000 đồng/văn bản.
- b) Quyết định của Ủy ban nhân dân các phường, xã và đặc khu: 8.000.000 đồng/văn bản.

4. Tổng mức chi quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này là mức chi được áp dụng cho việc xây dựng văn bản quy phạm pháp luật mới hoặc thay thế. Trường hợp xây dựng văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng định mức khoán chi như sau:

a) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản quy phạm pháp luật trở lên thì áp dụng mức chi bằng mức chi cho xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật mới hoặc thay thế tương ứng quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này.

b) Văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng bằng 60% mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này.

5. Văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật thì áp dụng tổng mức chi bằng 30% mức chi trong xây dựng 01 văn bản quy phạm pháp luật tương ứng quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này.

Điều 4. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Người đứng đầu cơ quan chủ trì soạn thảo; cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định; cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành; cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm tra văn bản quy phạm pháp luật căn cứ tình hình thực tế của đơn vị, tham chiếu định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động theo danh mục nhiệm vụ, hoạt động tại Phụ lục I, II, III, IV và V kèm theo Nghị quyết này để quyết định (hoặc ban hành quy định, quy chế áp dụng nội bộ) về mức chi đối với từng hoạt động cụ thể khi xây dựng văn bản quy phạm pháp luật; cụ thể như sau:

1. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành theo điểm a, b và c khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 thực hiện theo Phụ lục I.

2. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành theo điểm d khoản 1 Điều 21 Luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 thực hiện theo Phụ lục II.

3. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ,

hoạt động đối với xây dựng quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện theo Phụ lục III.

4. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện theo Phụ lục IV.

5. Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng nghị quyết của Hội đồng nhân dân các phường, xã, đặc khu và quyết định của Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu thực hiện theo Phụ lục V.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách Nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức, hướng dẫn thực hiện Nghị quyết. Trong quá trình thực hiện, giao Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí đủ nguồn lực thực hiện Nghị quyết, đảm bảo chi đúng đối tượng. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc, kịp thời tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố để xem xét ban hành sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với điều kiện của Thành phố.

2. Giao người đứng đầu cơ quan chủ trì soạn thảo; cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định; cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành; cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm tra văn bản quy phạm pháp luật chịu trách nhiệm thực hiện, tuân thủ đúng các nguyên tắc, quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15, Nghị định số 289/2025/NĐ-CP và Nghị quyết này, bảo đảm đúng đối tượng, công khai, minh bạch, hiệu quả, tiết kiệm; phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm, cục bộ, ngăn chặn mọi biểu hiện trục lợi.

3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2026.

2. Văn bản quy phạm pháp luật tại Thành phố Hồ Chí Minh được ban hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 được thanh toán, quyết toán theo quy định tại khoản 4 Điều 28, Điều 30 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP và Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khoá X, Kỳ họp thứ tám thông qua ngày 06 tháng 02 năm 2026./.

CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục I

**DANH MỤC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI
CHO TỪNG NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI
ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TẠI ĐIỂM A, B, C KHOẢN 1 ĐIỀU 21
LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 06 tháng 02 năm 2026
của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Tỷ lệ	Định mức khoản chi	Ghi chú
I	ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI CHO NHIỆM VỤ SOẠN THẢO VĂN BẢN, THẨM ĐỊNH, TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ TRÌNH BAN HÀNH		70%	175.000.000	
1	SOẠN THẢO VĂN BẢN		80% tổng định mức khoản chi cho nhiệm vụ soạn thảo văn bản, thẩm định, tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành	140.000.000	Cơ quan chủ trì soạn thảo là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
1.1	Truyền thông việc xây dựng, ban hành nghị quyết	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định hình thức truyền thông phù hợp và sản phẩm hoàn thành tương ứng; ví dụ như ấn phẩm truyền thông dạng in (sản phẩm	Tối đa 02% tổng định mức khoản chi cho nhiệm vụ soạn thảo văn bản	Tối đa 2.800.000	

Stt	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Tỷ lệ	Định mức khoán chi	Ghi chú
		báo chí được xuất bản; bài viết, bản tin khác, báo cáo tọa đàm, áp phích, .v.v.), ấn phẩm truyền thông trên môi trường điện tử (website, video, sản phẩm số khác .v.v.).			
1.2	Xây dựng hồ sơ dự thảo nghị quyết (cơ quan chủ trì soạn thảo chủ động quyết định các hoạt động cụ thể để xây dựng hồ sơ dự thảo nghị quyết, ví dụ như: Tổng kết việc thi hành pháp luật, đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo văn bản, trường hợp cần thiết, đề nghị cơ quan, tổ chức có liên quan tổng kết, đánh giá việc	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định sản phẩm cho từng các hoạt động cụ thể để xây dựng hồ sơ dự thảo nghị quyết; trong đó phải đảm bảo thành phần hồ sơ dự thảo nghị quyết theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP gồm: Tờ trình; Dự thảo nghị quyết; Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo văn bản kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp	Tối đa 38% tổng định mức khoán chi cho nhiệm vụ soạn thảo văn bản	Tối đa 53.200.000	

Stt	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Tỷ lệ	Định mức khoán chi	Ghi chú
	<i>thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực do cơ quan, tổ chức đó phụ trách có liên quan đến nội dung văn bản; Tổ chức việc soạn thảo; tổ chức điều tra, khảo sát thực tế; thuê chuyên gia, nhà khoa học; .v.v.)</i>	luật có liên quan; Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có).			
1.3	Lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo nghị quyết (cơ quan chủ trì soạn thảo chủ động quyết định các hoạt động cụ thể để xây dựng hồ sơ dự thảo nghị quyết theo hình thức phù hợp; trong đó phải đảm bảo việc lấy ý kiến các cơ quan có thẩm quyền của Đảng, lấy ý kiến của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Khoa	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định sản phẩm cho từng các hoạt động cụ thể để lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo nghị quyết; trong đó phải đảm bảo thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP là Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cơ quan liên quan.	Tối đa 30% tổng định mức khoán chi cho nhiệm vụ soạn thảo văn bản	Tối đa 42.000.000	

Stt	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Tỷ lệ	Định mức khoán chi	Ghi chú
	<i>học và Công nghệ theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).</i>				
1.4	Tổng hợp, chỉnh lý hoàn thiện hồ sơ dự thảo nghị quyết	Hồ sơ dự thảo nghị quyết được chỉnh lý sau khi lấy ý kiến, thẩm định, thẩm tra.	Tối đa 30% tổng định mức khoán chi cho nhiệm vụ soạn thảo văn bản	Tối đa 42.000.000	
2	THẨM ĐỊNH HỒ SƠ DỰ THẢO		12% tổng định mức khoán chi cho nhiệm vụ soạn thảo văn bản, thẩm định, tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành	21.000.000	Cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
3	TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ TRÌNH BAN HÀNH		08% tổng định mức khoán chi cho nhiệm vụ soạn thảo văn bản, thẩm định, tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành	14.000.000	Cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết

Stt	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Tỷ lệ	Định mức khoán chi	Ghi chú
					toán
II		THẨM TRA, THÔNG QUA	30%	75.000.000	Cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm tra, hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục II

**DANH MỤC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI
CHO TỪNG NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI
ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY ĐỊNH TẠI ĐIỂM D KHOẢN 1 ĐIỀU
21 LUẬT BAN HÀNH VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 06 tháng 02 năm 2026
của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Tỷ lệ	Định mức khoản chi	Ghi chú
I.	ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI CHO SOẠN THẢO VĂN BẢN, THẨM ĐỊNH, TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ TRÌNH BAN HÀNH		70%	175.000.000	
1.	XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH		50% tổng định mức khoản chi cho soạn thảo văn bản, thẩm định, tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành	87.500.000	Cơ quan chủ trì soạn thảo là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
1.1	Truyền thông chính sách	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định hình thức truyền thông phù hợp và sản phẩm hoàn thành tương ứng; ví dụ như ấn phẩm truyền thông dạng in (sản phẩm báo	Tối đa 02% tổng định mức khoản chi cho nhiệm vụ xây dựng chính sách	Tối đa 1.750.000	

		chỉ được xuất bản; bài viết, bản tin khác, báo cáo tọa đàm, áp phích, .v.v.), ấn phẩm truyền thông trên môi trường điện tử (website, video, sản phẩm số khác, .v.v.).			
1.2	Xây dựng chính sách (Tổng kết việc thi hành pháp luật, đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến chính sách; Đánh giá tác động của chính sách; Xây dựng chính sách) Tham mưu báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép việc quyết định áp dụng thí điểm các chính sách đặc thù, đặc biệt, chưa được quy định trong pháp luật để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương	Văn bản trình, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.	Tối đa 98% tổng định mức khoán chi cho nhiệm vụ xây dựng chính sách	Tối đa 85.750.000	

	theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương				
2	SOẠN THẢO VĂN BẢN		40% tổng định mức khoán chi cho soạn thảo văn bản, thẩm định, tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành	70.000.000	Cơ quan chủ trì soạn thảo là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
2.1	Truyền thông việc xây dựng, ban hành nghị quyết	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định hình thức truyền thông phù hợp và sản phẩm hoàn thành tương ứng; ví dụ như ấn phẩm truyền thông dạng in (sản phẩm báo chí được xuất bản; bài viết, bản tin khác, báo cáo tọa đàm, áp phích, .v.v.), ấn phẩm truyền thông trên môi trường điện tử (website, video, sản phẩm số khác, .v.v.).	Tối đa 02% tổng định mức khoán chi cho nhiệm vụ soạn thảo văn bản	Tối đa 1.400.000	
2.2	Xây dựng hồ sơ dự thảo nghị quyết (<i>cơ quan chủ trì soạn thảo chủ động quyết định các hoạt động cụ</i>	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định sản phẩm cho từng các hoạt động cụ thể để xây dựng hồ sơ dự thảo nghị	Tối đa 38% tổng định mức khoán chi cho nhiệm vụ soạn thảo văn bản	Tối đa 26.600.000	

thể để xây dựng hồ sơ dự thảo nghị quyết, ví dụ như: Tổng kết việc thi hành pháp luật, đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo văn bản, trường hợp cần thiết, đề nghị cơ quan, tổ chức có liên quan tổng kết, đánh giá việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực do cơ quan, tổ chức đó phụ trách có liên quan đến nội dung văn bản; Tổ chức việc soạn thảo; tổ chức điều tra, khảo sát thực tế; thuê chuyên gia, nhà khoa học; .v.v.)	quyết; trong đó phải đảm bảo thành phần hồ sơ dự thảo nghị quyết theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP gồm: Tờ trình; Dự thảo nghị quyết; Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo văn bản kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số			
---	---	--	--	--

		(nếu có); Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo.			
2.3	Lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo nghị quyết (cơ quan chủ trì soạn thảo chủ động quyết định các hoạt động cụ thể để xây dựng hồ sơ dự thảo nghị quyết theo hình thức phù hợp; trong đó phải đảm bảo việc lấy ý kiến các cơ quan có thẩm quyền của Đảng, lấy ý kiến của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định sản phẩm cho từng các hoạt động cụ thể để lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo nghị quyết; trong đó phải đảm bảo thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP là Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cơ quan liên quan.	Tối đa 30% tổng định mức khoán chi cho nhiệm vụ soạn thảo văn bản	Tối đa 21.000.000	
2.4	Tổng hợp, chỉnh lý hoàn thiện hồ sơ dự thảo nghị quyết	Hồ sơ dự thảo nghị quyết được chỉnh lý sau khi lấy ý kiến, thẩm định, thẩm tra.	Tối đa 30% tổng định mức khoán chi cho nhiệm vụ soạn thảo	Tối đa 21.000.000	

			văn bản		
3	THẨM ĐỊNH HỒ SƠ DỰ THẢO		06% tổng định mức khoán chi cho soạn thảo văn bản, thẩm định, tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành	10.500.000	Cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
4	TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ TRÌNH BAN HÀNH		04% tổng định mức khoán chi cho soạn thảo văn bản, thẩm định, tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành	7.000.000	Cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
II	THẨM TRA, THÔNG QUA		30%	75.000.000	Cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm tra, hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục III

**DANH MỤC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI
CHO TỪNG NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY
BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 06 tháng 02 năm 2026
của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

Đơn vị tính: đồng

St t	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Tỷ lệ	Định mức khoản chi	Ghi chú
I	SOẠN THẢO VĂN BẢN		80%	80.000.000	
1	Truyền thông việc xây dựng, ban hành quyết định	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định hình thức truyền thông phù hợp và sản phẩm hoàn thành tương ứng; ví dụ như ấn phẩm truyền thông dạng in (sản phẩm báo chí được xuất bản; bài viết, bản tin khác, báo cáo tọa đàm, áp phích, .v.v.), ấn phẩm truyền thông trên môi trường điện tử (website, video, sản phẩm số khác .v.v.).	Tối đa 02% tổng định mức khoản chi cho nhiệm vụ soạn thảo văn bản	Tối đa 1.600.000	Cơ quan chủ trì soạn thảo là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
2	Xây dựng hồ sơ dự thảo quyết định	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định sản phẩm cho từng các	Tối đa 38% tổng định mức	Tối đa 30.400.000	

St t	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Tỷ lệ	Định mức khoản chi	Ghi chú
	(cơ quan chủ trì soạn thảo chủ động quyết định các hoạt động cụ thể để xây dựng hồ sơ dự thảo quyết định, ví dụ như: Tổng kết việc thi hành pháp luật, đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo văn bản, trường hợp cần thiết, đề nghị cơ quan, tổ chức có liên quan tổng kết, đánh giá việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực do cơ quan, tổ chức đó phụ trách có liên quan đến nội dung văn bản; Tổ chức việc soạn thảo; tổ chức	hoạt động cụ thể để xây dựng hồ sơ dự thảo quyết định; trong đó phải đảm bảo thành phần hồ sơ dự thảo nghị quyết theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP gồm: Tờ trình; Dự thảo quyết định; Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo văn bản kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có).	khoản chi cho nhiệm vụ soạn thảo văn bản		

St t	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Tỷ lệ	Định mức khoán chi	Ghi chú
	điều tra, khảo sát thực tế; thuê chuyên gia, nhà khoa học; .v.v.)				
3	Lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo quyết định (cơ quan chủ trì soạn thảo chủ động quyết định các hoạt động cụ thể để xây dựng hồ sơ dự thảo quyết định theo hình thức phù hợp; trong đó phải đảm bảo việc lấy ý kiến các cơ quan có thẩm quyền của Đảng, lấy ý kiến của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 78/2025/NĐ- CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định sản phẩm cho từng các hoạt động cụ thể để lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo nghị quyết; trong đó phải đảm bảo thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ- CP là Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cơ quan liên quan.	Tối đa 30% tổng định mức khoán chi cho nhiệm vụ soạn thảo văn bản	Tối đa 24.000.000	

St t	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Tỷ lệ	Định mức khoản chi	Ghi chú
	số 187/2025/NĐ- CP).				
4	Tổng hợp, chỉnh lý hoàn thiện hồ sơ dự thảo quyết định	Hồ sơ dự thảo quyết định được chỉnh lý sau khi lấy ý kiến, thẩm định.	Tối đa 30% tổng định mức khoản chi cho nhiệm vụ soạn thảo văn bản	Tối đa 24.000.000	
II	THẨM ĐỊNH HỒ SƠ DỰ THẢO		12%	12.000.000	Cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định (Sở Tư pháp) là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
III	TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ TRÌNH BAN HÀNH		8%	8.000.000	Cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, rà soát hồ sơ trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành (Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố) là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phụ lục IV

**DANH MỤC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI
CHO TỪNG NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH CỦA CHỦ
TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 06 tháng 02 năm 2026
của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Tỷ lệ	Định mức khoản chi	Ghi chú
I	SOẠN THẢO VĂN BẢN		80%	24.000.000	
1	Truyền thông việc xây dựng, ban hành quyết định	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định hình thức truyền thông phù hợp và sản phẩm hoàn thành tương ứng; ví dụ như ấn phẩm truyền thông dạng in (sản phẩm báo chí được xuất bản; bài viết, bản tin khác, báo cáo tọa đàm, áp phích, .v.v.), ấn phẩm truyền thông trên môi trường điện tử (website, video, sản phẩm số khác .v.v.).	Tối đa 02% tổng định mức khoản chi cho nhiệm vụ soạn thảo văn bản	Tối đa 480.000	Cơ quan chủ trì soạn thảo là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
2	Xây dựng hồ sơ dự thảo quyết định <i>(cơ quan chủ</i>	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định sản phẩm cho từng các hoạt động cụ thể để	Tối đa 38% tổng định mức khoản chi cho	Tối đa 9.120.000	

Stt	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Tỷ lệ	Định mức khoán chi	Ghi chú
	trì soạn thảo chủ động quyết định các hoạt động cụ thể để xây dựng hồ sơ dự thảo quyết định, ví dụ như: Tổng kết việc thi hành pháp luật, đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo văn bản, trường hợp cần thiết, đề nghị cơ quan, tổ chức có liên quan tổng kết, đánh giá việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực do cơ quan, tổ chức đó phụ trách có liên quan đến nội dung văn bản; Tổ chức việc soạn	xây dựng hồ sơ dự thảo quyết định; trong đó phải đảm bảo thành phần hồ sơ dự thảo nghị quyết theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP gồm: Tờ trình; Dự thảo quyết định; Báo cáo tổng kết việc thi hành pháp luật hoặc đánh giá thực trạng quan hệ xã hội liên quan đến dự thảo văn bản kèm phụ lục rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; Bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo; Bản đánh giá thủ tục hành chính, việc phân cấp, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (nếu có).	nhiệm vụ soạn thảo văn bản		

Stt	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Tỷ lệ	Định mức khoán chi	Ghi chú
	<i>thảo; tổ chức điều tra, khảo sát thực tế; thuê chuyên gia, nhà khoa học; .v.v.)</i>				
3	Lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo quyết định (cơ quan chủ trì soạn thảo chủ động quyết định các hoạt động cụ thể để xây dựng hồ sơ dự thảo quyết định theo hình thức phù hợp; trong đó phải đảm bảo việc lấy ý kiến các cơ quan có thẩm quyền của Đảng, lấy ý kiến của Sở Tài chính, Sở Nội vụ, Sở Tư pháp, Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP).	Cơ quan chủ trì soạn thảo quyết định sản phẩm cho từng các hoạt động cụ thể để lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo nghị quyết; trong đó phải đảm bảo thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP là Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, cá nhân, cơ quan liên quan.	Tối đa 30% tổng định mức khoán chi cho nhiệm vụ soạn thảo văn bản	Tối đa 7.200.000	

Stt	Nhiệm vụ, hoạt động	Sản phẩm	Tỷ lệ	Định mức khoán chi	Ghi chú
4	Tổng hợp, chỉnh lý hoàn thiện hồ sơ dự thảo quyết định	Hồ sơ dự thảo quyết định được chỉnh lý sau khi lấy ý kiến, thẩm định.	Tối đa 30% tổng định mức khoán chi cho nhiệm vụ soạn thảo văn bản	Tối đa 7.200.000	
II	THẨM ĐỊNH HỒ SƠ DỰ THẢO		12%	3.600.000	Cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định (Sở Tư pháp) là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán
III	TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ TRÌNH BAN HÀNH		08%	2.400.000	Cơ quan được giao nhiệm vụ tổng hợp, rà soát hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành (Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố) là đơn vị lập dự toán và thực hiện thanh, quyết toán

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phụ lục V
DANH MỤC NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI
CHO TỪNG NHIỆM VỤ, HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI VĂN BẢN QUY PHẠM
PHÁP LUẬT CẤP XÃ
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 06 tháng 02 năm 2026
của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

A. NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC PHƯỜNG, XÃ,
ĐẶC KHU

Đơn vị tính: đồng

Stt	Nhiệm vụ, hoạt động	Tỷ lệ định mức khoán chi
I	ĐỊNH MỨC KHOẢN CHI CHO NHIỆM VỤ SOẠN THẢO VĂN BẢN, THẨM ĐỊNH, TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ TRÌNH BAN HÀNH	70% tổng mức chi do Hội đồng nhân dân các phường, xã, đặc khu quyết định
1	SOẠN THẢO VĂN BẢN	80% tổng định mức khoán chi cho nhiệm vụ soạn thảo văn bản, thẩm định, tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành
2	THẨM ĐỊNH HỒ SƠ DỰ THẢO	12% tổng định mức khoán chi cho nhiệm vụ soạn thảo văn bản, thẩm định, tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành
3	TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ TRÌNH BAN HÀNH	08% tổng định mức khoán chi cho nhiệm vụ soạn thảo văn bản, thẩm định, tổng hợp, rà soát hồ sơ trình ban hành
II	THẨM TRA, THÔNG QUA	30% tổng mức chi do Hội đồng nhân dân các phường, xã, đặc khu quyết định

B. QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CÁC PHƯỜNG, XÃ, ĐẶC KHU

Stt	Nhiệm vụ, hoạt động	Tỷ lệ định mức khoán chi
I	SOẠN THẢO VĂN BẢN	80% tổng mức chi do Hội đồng nhân dân các phường, xã, đặc khu quyết định
II	THẨM ĐỊNH HỒ SƠ DỰ THẢO	12% tổng mức chi do Hội đồng nhân dân các phường, xã, đặc khu quyết định
III	TỔNG HỢP, RÀ SOÁT HỒ SƠ TRÌNH BAN HÀNH	08% tổng mức chi do Hội đồng nhân dân các phường, xã, đặc khu quyết định

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2026/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chế độ hỗ trợ cho lực lượng tham gia thực hiện các kế hoạch cao điểm
xây dựng, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành trọng điểm ưu tiên
triển khai trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa
đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về kết nối, chia
sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Xét Tờ trình số 130/TTr-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân
Thành phố về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định
chế độ hỗ trợ cho lực lượng tham gia thực hiện các kế hoạch cao điểm xây dựng,
chuẩn hóa cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành trọng điểm ưu tiên triển khai trên
địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo số 35/BC-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2026
của Ủy ban nhân dân Thành phố về tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra và bổ sung,
điều chỉnh nội dung Tờ trình số 130/TTr-UBND; Báo cáo thẩm tra số 11/BC-BPC ngày
05 tháng 02 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân Thành phố; Ý kiến thảo
luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định chế độ hỗ trợ cho
lực lượng tham gia thực hiện các kế hoạch cao điểm xây dựng, chuẩn hóa cơ sở dữ
liệu quốc gia, chuyên ngành trọng điểm ưu tiên triển khai trên địa bàn Thành phố Hồ
Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chế độ hỗ trợ cho lực lượng tham gia xây dựng, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành trọng điểm ưu tiên triển khai trên địa bàn Thành phố theo các kế hoạch cao điểm của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Người được cấp có thẩm quyền huy động để tham gia thực hiện theo các kế hoạch cao điểm của Ủy ban nhân dân Thành phố (trừ các đối tượng đã được hưởng chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị định số 179/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính Phủ quy định về mức hỗ trợ đối với người làm công tác chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng).

Điều 3. Mức hỗ trợ, điều kiện và nguyên tắc hỗ trợ

1. Mức hỗ trợ: 200.000 đồng/người/ngày.

2. Điều kiện hỗ trợ: các đối tượng được quy định tại Điều 2 Nghị quyết này phải được cấp có thẩm quyền huy động bằng văn bản để trực tiếp tham gia thực hiện các kế hoạch cao điểm của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Nguyên tắc hỗ trợ:

a) Hỗ trợ đúng đối tượng, đúng mục đích, đảm bảo công khai, minh bạch.

b) Thời gian hỗ trợ được tính theo số ngày thực tế tham gia kế hoạch cao điểm.

c) Trường hợp một đối tượng tại cùng một thời điểm đủ điều kiện hưởng nhiều chính sách hỗ trợ có cùng tính chất quy định tại Nghị quyết này và các văn bản quy phạm pháp luật khác thì chỉ được hưởng một mức hỗ trợ cao nhất.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo công khai, minh bạch, kịp thời, hiệu quả, chỉ đúng đối tượng thụ hưởng, đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan.

2. Trong quá trình triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết này, Ủy ban nhân dân Thành phố phải xác định cụ thể số lượng, đối tượng được huy động tham gia cho từng kế hoạch cao điểm; quy định rõ trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong việc xác nhận đối tượng và thời gian thụ hưởng; trách nhiệm kiểm tra, giám sát của cơ quan tài

chính các cấp và thực hiện nghiêm các quy định về thực hành tiết kiệm và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X, Kỳ họp thứ tám thông qua ngày 06 tháng 02 năm 2026./.

CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/2026/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng
đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố
và cấp xã trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam số 75/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 97/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện;

Xét Tờ trình số 119/TTr-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về dự thảo Nghị quyết quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và cấp xã trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện; Báo cáo thẩm tra số 21/BC-BVHXXH ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và cấp xã trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một

số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã (sau đây gọi là Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đoàn đại biểu, cá nhân đến thăm và làm việc với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 2 Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg;

b) Các cá nhân được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến thăm hỏi, chúc mừng, phúng viếng theo khoản 2 Điều 2 Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg;

c) Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mức chi

1. Chi đón tiếp các đoàn đại biểu, cá nhân quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân về các chế độ tiếp khách trong nước.

2. Chi thăm hỏi, chúc mừng, phúng viếng

Mức chi thăm hỏi, chúc mừng, phúng viếng đối với đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này, cụ thể:

a) Chi tặng quà chúc mừng nhân ngày Tết Nguyên đán, ngày lễ hoặc ngày lễ trọng (ngày lễ kỷ niệm trọng thể nhất của từng dân tộc):

Cấp Thành phố: tối đa 1.000.000 đồng/người/lần; không quá 3.000.000 đồng/người/năm;

Cấp xã: tối đa 800.000 đồng/người/lần; không quá 2.400.000 đồng/người/năm.

b) Chi thăm hỏi khi ốm đau hoặc khi gặp khó khăn về kinh tế: Cấp Thành phố: tối đa 5.000.000 đồng/người/năm;

Cấp xã: tối đa 4.000.000 đồng/người/năm.

c) Chi phúng viếng khi cá nhân qua đời (bao gồm cả vòng hoa), cụ thể: Cấp

Thành phố: tối đa 4.000.000 đồng/người;

Cấp xã: tối đa 3.000.000 đồng/người.

Trường hợp đối tượng đủ điều kiện hưởng nhiều chế độ theo các quy định khác nhau thì chỉ áp dụng chế độ có mức chi cao nhất.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

b) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố Hồ Chí Minh triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm xây dựng quy chế thực hiện nội dung tại khoản 2 Điều 2 Nghị quyết này đảm bảo công khai, minh bạch, đúng đối tượng, đúng quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2026.

2. Các Nghị quyết sau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, quận, huyện thực hiện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

b) Nghị quyết số 26/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

c) Nghị quyết số 19/2024/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng

Tàu quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X, Kỳ họp thứ tám thông qua ngày 06 tháng 02 năm 2026./.

CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2026/NQ-HĐND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Quy định chính sách đặc thù về trang bị báo Đảng
tại Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 về thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 84/2024/NĐ-CP về thí điểm phân cấp quản lý nhà nước một số lĩnh vực cho chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét Tờ trình số 120/TTr-UBND ngày 02 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố; Báo cáo thẩm tra số 22/BC-BVHXXH ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết quy định chính sách đặc thù về trang bị báo Đảng tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách đặc thù về trang bị báo Đảng tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước (Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Thường trực Ban Bí thư, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Tổng Thư ký Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, Chánh Văn phòng Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao, Chánh Văn phòng Tòa

án nhân dân Tối cao, Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trưởng ban và Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương); Đại biểu Quốc hội thuộc đoàn Đại biểu Quốc hội Thành phố Hồ Chí Minh; Đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Các đồng chí Thành ủy viên; cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp sở, ngành (cấp trưởng, cấp phó); lãnh đạo, quản lý cấp phường, xã, đặc khu (Bí thư - Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Bí thư thường trực, Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trưởng Ban xây dựng Đảng của đảng ủy phường, xã, Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận, Trưởng Ban Tổ chức Đảng ủy đặc khu Côn Đảo); các cán bộ lãnh đạo nguyên là Thành ủy viên, nguyên Tỉnh ủy viên (Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Bình Dương và tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu); các đồng chí lão thành cách mạng thuộc Thành ủy quản lý; các cấp ủy từ đảng ủy cơ sở, đảng ủy bộ phận trở lên.

3. Các chức danh ở khu phố, ấp gồm: Bí thư chi bộ, Trưởng ban công tác Mặt trận, Bí thư chi đoàn thanh niên, Trưởng chi hội Cựu chiến binh, Trưởng chi Hội Người cao tuổi, Trưởng chi Hội Chữ thập đỏ, Trưởng chi Hội Nông dân, Trưởng chi Hội Phụ nữ, Trưởng khu phố, ấp; các đảng viên được trao huy hiệu Đảng (nhóm từ 30 tuổi Đảng trở lên, đã nghỉ hưu và đang sinh hoạt tại các chi bộ khu phố, ấp trên địa bàn Thành phố); các chức sắc, chức việc là người đại diện các tổ chức, cơ sở tôn giáo được thành lập hợp pháp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Việc thực hiện trang bị báo Đảng phải đảm bảo trang bị báo giấy trực tiếp, kịp thời, công khai, minh bạch, đúng đối tượng.

2. Trường hợp một người thuộc nhiều nhóm đối tượng khác nhau quy định tại Nghị quyết này thì chỉ được nhận 01 tờ/mỗi loại báo được trang bị.

Điều 4. Chính sách về trang bị báo Đảng

1. Đối tượng tại khoản 1 Điều 2: mỗi đồng chí được trang bị 01 tờ Báo Sài Gòn Giải Phóng hằng ngày.

2. Đối tượng tại khoản 2 Điều 2: mỗi đồng chí được trang bị 01 tờ Báo Nhân dân và 01 tờ Báo Sài Gòn Giải phóng hằng ngày; mỗi cấp ủy được trang bị 01 tờ Báo Nhân dân và 01 tờ Báo Sài Gòn Giải Phóng hằng ngày.

3. Đối tượng tại khoản 3 Điều 2: mỗi đồng chí được trang bị 01 tờ Báo Sài Gòn Giải Phóng hằng ngày; mỗi chức sắc, chức việc là người đại diện các tổ chức, cơ sở tôn giáo được trang bị 01 tờ Báo Sài Gòn Giải Phóng hằng ngày.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 02 năm 2026.

2. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định pháp luật; rà soát, lập danh sách cụ thể các chức sắc, chức việc là người đại diện các tổ chức, cơ sở tôn giáo được thành lập hợp pháp trên địa bàn Thành phố để trang bị đúng quy định; trong quá trình tổ chức thực hiện cần kiểm tra, đánh giá hiệu quả việc triển khai thực hiện Nghị quyết; tiếp tục rà soát trình Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bổ sung, điều chỉnh đối tượng thụ hưởng (như lãnh đạo, quản lý các đảng ủy cấp trên cơ sở trực thuộc Thành ủy: Thường trực cấp ủy; Trưởng Ban Tuyên giáo và Dân vận Thành ủy hoặc tương đương; Trưởng Ban Tổ chức Thành ủy hoặc tương đương) phù hợp với nhu cầu thực tiễn và đúng quy định của pháp luật.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

4. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 20/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quy định việc cấp phát báo Đảng miễn phí cho đảng viên từ 40 năm tuổi Đảng trở lên; các đồng chí thuộc Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý từ cấp phó sở, ban, ngành và tương đương trở lên đã nghỉ hưu; chức sắc, chức việc đại diện các tổ chức, cơ sở tôn giáo được thành lập hợp pháp trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X, Kỳ họp thứ tám thông qua ngày 06 tháng 02 năm 2026./.

CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/2026/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về thu hút chuyên gia, nhà khoa học và
người có tài năng đặc biệt của Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 và Luật
sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số
87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành
chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 227/2025/QH15 của Quốc hội về Kỳ họp thứ 9, Quốc
hội khóa XV;

Thực hiện Nghị quyết số 461/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội
đồng nhân dân Thành phố về áp dụng Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 08
tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về mức thu
nhập chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt đối với lĩnh vực Thành phố
Hồ Chí Minh có nhu cầu thu hút trên toàn bộ địa giới hành chính của Thành phố
Hồ Chí Minh (sau sắp xếp);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 12108/TTr-SNV ngày
26 tháng 12 năm 2025, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số
8417/BC-STP ngày 23 tháng 12 năm 2025 và ý kiến thống nhất của Thành viên Ủy
ban nhân dân Thành phố;

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định ban hành
Quy định về thu hút chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt của Thành

phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Ban hành Quy định

Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về thu hút chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt của Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

- Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2026.
- Quyết định số 38/2024/QĐ-UBND về ban hành Quy định về thu hút chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt của Thành phố Hồ Chí Minh hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Người đứng đầu các cơ quan chuyên môn, cơ quan hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Mạnh Cường

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về thu hút chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt của Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2026/QĐ-UBND
ngày 01 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này điều chỉnh về nội dung, hình thức thu hút, tuyển chọn, ký kết hợp đồng, công tác quản lý, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và các giải pháp hoàn thiện môi trường làm việc, tôn vinh, khen thưởng đối với chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố về mức thu nhập chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt đối với lĩnh vực Thành phố Hồ Chí Minh có nhu cầu thu hút.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này được áp dụng đối với:

a) Cá nhân có đủ tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể theo quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về mức thu nhập chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt đối với lĩnh vực Thành phố Hồ Chí Minh có nhu cầu thu hút.

b) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan đến thu hút chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt (sau đây gọi chung là “cơ quan, đơn vị”).

2. Người đang là cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật không thuộc đối tượng được thu hút theo Quy định này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Hoạt động hoạch định chính sách tại Thành phố Hồ Chí Minh là nghiên cứu, xây dựng và ban hành các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án hoặc các văn bản quy phạm pháp luật điều chỉnh các hoạt động phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội trên các lĩnh vực của Thành phố.

2. Người Việt Nam định cư ở nước ngoài là công dân Việt Nam và người gốc Việt Nam cư trú, sinh sống lâu dài ở nước ngoài.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện

1. Bảo đảm thu hút kịp thời và có chất lượng đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt có trình độ, năng lực chuyên môn cao, phẩm chất tốt, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng của Thành phố.

2. Bảo đảm thống nhất, đồng bộ và khả thi cao từ khâu tìm kiếm, mời gọi, sử dụng và đãi ngộ đối với chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt gắn với đào tạo, bồi dưỡng và phát triển bền vững nguồn lực con người trong từng cơ quan, đơn vị và toàn Thành phố.

3. Bảo đảm tuyển chọn đúng và đủ lực lượng chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt có đủ phẩm chất, đạo đức và trí tuệ, năng lực, sức khỏe nhằm xây dựng và thực hiện các nhiệm vụ chiến lược của Thành phố. Việc thu hút, tuyển chọn và phát triển chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt phải đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan và đúng pháp luật; đảm bảo tính cạnh tranh, công bằng và có tính kế thừa.

Chương II

NỘI DUNG, HÌNH THỨC THU HÚT, TUYỂN CHỌN

Điều 5. Các bước chuẩn bị

1. Xác định lĩnh vực thu hút và nội dung các chủ đề, công trình nghiên cứu:

a) Căn cứ tình hình thực tiễn kinh tế - xã hội và định hướng phát triển các nhóm ngành, lĩnh vực ưu tiên, các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố danh mục các lĩnh vực, chương trình, dự án, đề tài mà

Thành phố đang có nhu cầu thu hút chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt.

b) Các cơ quan, đơn vị đánh giá thực trạng tình hình thực hiện nhiệm vụ; kịp thời lập báo cáo chi tiết nhu cầu dự kiến thu hút chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt gửi Sở Khoa học và Công nghệ có ý kiến thống nhất trước khi thực hiện thu hút, tuyển chọn. Trường hợp thu hút người có tài năng đặc biệt lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật - thể dục, thể thao do Sở Văn hóa và Thể thao trực tiếp thực hiện việc lập báo cáo chi tiết và quyết định theo thẩm quyền.

c) Việc đề xuất nhu cầu của các cơ quan, đơn vị phải dựa trên đánh giá chính xác về điều kiện, yêu cầu cấp thiết đối với sự phát triển của cơ quan, đơn vị và định hướng của Thành phố.

2. Thành lập Hội đồng thu hút, tuyển chọn

a) Theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố, người đứng đầu cơ quan, đơn vị có nhu cầu thu hút thành lập Hội đồng thu hút, tuyển chọn chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt (*sau đây gọi tắt là Hội đồng thu hút, tuyển chọn*) và quy định trách nhiệm, quyền hạn cụ thể của Hội đồng thu hút, tuyển chọn.

b) Hội đồng thu hút, tuyển chọn làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến mà Chủ tịch Hội đồng đã biểu quyết.

3. Thành viên của các Hội đồng thu hút, tuyển chọn:

Số lượng thành viên Hội đồng thu hút, tuyển chọn là số lẻ, bao gồm:

a) Lãnh đạo cơ quan, đơn vị có nhu cầu thu hút chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt là Chủ tịch Hội đồng.

b) Đại diện lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ là Phó Chủ tịch Hội đồng.

Trường hợp cơ quan, đơn vị có nhu cầu thu hút là Sở Khoa học và Công nghệ thì nhân sự Phó Chủ tịch Hội đồng do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định lựa chọn trong số các công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ.

Trường hợp thu hút người có tài năng đặc biệt lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật - thể dục, thể thao thì nhân sự Phó Chủ tịch Hội đồng do Giám đốc Sở Văn hóa và Thể

thao quyết định lựa chọn trong số các công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao.

c) Đại diện lãnh đạo Sở Nội vụ.

d) Đại diện lãnh đạo Sở Tư pháp.

đ) Đại diện lãnh đạo Sở Tài chính.

e) Đại diện lãnh đạo cơ quan chuyên môn cấp Thành phố có chức năng tham mưu quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực có nhu cầu thu hút, tuyển chọn.

g) Đại diện lãnh đạo các cơ quan, tổ chức cấu thành của cơ quan, đơn vị có nhu cầu thu hút do Người đứng đầu cơ quan, đơn vị có nhu cầu thu hút quyết định.

h) Đại diện bộ phận tham mưu về tổ chức cán bộ của cơ quan, đơn vị có nhu cầu thu hút là Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng.

i) Các ủy viên khác là đại diện lãnh đạo của một số bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan đến việc tổ chức tuyển dụng do người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng quyết định.

k) Đại diện lãnh đạo các đại học, trường đại học, học viện, viện nghiên cứu (hoặc trung tâm đào tạo, huấn luyện văn hóa, nghệ thuật - thể dục, thể thao) có uy tín của Việt Nam và Thành phố Hồ Chí Minh (do các cơ quan, đơn vị mời tham dự theo yêu cầu cụ thể của lĩnh vực, vị trí cần thu hút).

l) Các chuyên gia, nhà khoa học có uy tín cao trong từng nhóm ngành, lĩnh vực (mời tham dự theo yêu cầu cụ thể của lĩnh vực, vị trí cần thu hút).

4. Nhiệm vụ của các hội đồng thu hút, tuyển chọn:

Các hội đồng thu hút, tuyển chọn được thành lập theo quy định tại khoản 2 Điều này chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các nội dung sau đây:

a) Thẩm định và tư vấn, đề xuất cho người đứng đầu cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức, cá nhân được người đứng đầu cơ quan, đơn vị ủy quyền (nếu có) (*sau đây gọi chung là “cấp có thẩm quyền”*) về sự cần thiết, chỉ tiêu và yêu cầu cụ thể đối với từng vị trí cần thu hút chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt.

b) Thống nhất các loại tài liệu chứng minh năng lực, giấy tờ cần thiết mà người tham dự cần chuẩn bị đối với từng vị trí thu hút; đề xuất hình thức và thời

hạn hợp đồng ký kết với các chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt đã được lựa chọn (kể cả trường hợp gia hạn, tiếp tục hợp đồng) và mức thu nhập hằng tháng, mức khuyến khích theo công trạng cá nhân của người có tài năng đặc biệt.

c) Đề xuất người đứng đầu cơ quan, đơn vị hoặc cấp có thẩm quyền quyết định việc tiếp tục ký kết hợp đồng, gia hạn hoặc điều chỉnh các chính sách đãi ngộ đối với chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt.

Điều 6. Kế hoạch thu hút và thông báo

1. Căn cứ báo cáo đề xuất của các hội đồng thu hút, tuyển chọn, người đứng đầu cơ quan, đơn vị xem xét, ban hành Kế hoạch và Thông báo thu hút chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt.

2. Nội dung kế hoạch thu hút bao gồm:

a) Nhu cầu thu hút: Mô tả theo từng vị trí việc làm của từng cơ quan, đơn vị và số lượng, chỉ tiêu cụ thể.

b) Điều kiện, tiêu chuẩn và những lưu ý đối với người đăng ký dự tuyển theo quy định.

c) Thành phần hồ sơ, thời gian và địa điểm nhận hồ sơ, thông tin liên hệ.

d) Quy trình các bước thực hiện tuyển chọn, thời gian báo cáo, thuyết minh dự án (nếu có) hoặc trình diễn năng khiếu, kỹ năng, kỹ xảo chuyên môn, thời gian nhận kết quả.

3. Thông báo thu hút được đăng tải công khai bằng tiếng Việt và tiếng Anh ít nhất 01 lần trên 03 phương tiện thông tin đại chúng gồm báo in hoặc báo điện tử, báo nói, báo hình của Trung ương hoặc Thành phố; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Thành phố và trang tin điện tử của các cơ quan, đơn vị.

Điều 7. Đăng ký tham dự và thẩm định tài liệu chứng minh năng lực

1. Căn cứ yêu cầu, điều kiện của các vị trí được nêu trong thông báo thu hút, tuyển chọn, chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt (*gọi tắt là “người tham dự”*) chuẩn bị thành phần tài liệu chứng minh năng lực cần thiết theo yêu cầu của từng vị trí thu hút và gửi đến cơ quan, đơn vị có nhu cầu thu hút theo nội

dung thông báo.

a) Người tham dự phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của những giấy tờ trong bộ tài liệu năng lực. Các trường hợp khai man, giả mạo giấy tờ sẽ bị hủy kết quả và xử lý theo quy định của pháp luật.

b) Người tham dự chỉ đăng ký tham dự ở những vị trí phù hợp với trình độ chuyên môn, kinh nghiệm và năng lực của mình. Tài liệu chứng minh năng lực không hoàn trả lại.

2. Cơ quan, đơn vị tiếp nhận chịu trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thẩm định tài liệu chứng minh năng lực của người tham dự đối với các nội dung sau đây:

a) Sự phù hợp giữa lĩnh vực hoạt động chuyên môn của người tham dự với phạm vi, yêu cầu của vị trí ứng tuyển;

b) Số lượng, thành phần hồ sơ dự tuyển;

c) Chất lượng, tiêu chuẩn và tính hợp pháp của các văn bản chứng minh năng lực chuyên môn, kinh nghiệm công tác của người tham dự theo quy định về khoa học và công nghệ.

Điều 8. Hình thức thu hút, tuyển chọn

1. Người tham dự được thông báo để chuẩn bị và trình bày trước Hội đồng thu hút, tuyển chọn về phương hướng, kế hoạch thực hiện dự án, công trình dự kiến được phân công thực hiện hoặc kiểm tra, đánh giá về năng lực, năng khiếu, kỹ năng, kỹ xảo chuyên môn (nếu có) theo yêu cầu vị trí cần thu hút.

2. Thông qua phần trình bày của người tham dự, Hội đồng thu hút, tuyển chọn có báo cáo đánh giá về năng lực người tham dự theo yêu cầu của vị trí cần thu hút và đề xuất Người đứng đầu cơ quan, đơn vị hoặc cấp có thẩm quyền quyết định lựa chọn người phù hợp nhất.

Điều 9. Thực hiện thủ tục tiếp nhận và ký kết hợp đồng

1. Ký kết hợp đồng với người được thu hút, cụ thể:

a) Nội dung hợp đồng thể hiện đầy đủ quyền lợi và trách nhiệm cụ thể các bên trong thời gian thực hiện nhiệm vụ.

b) Thời hạn ký hợp đồng căn cứ theo thời hạn thực hiện của công trình, đề án, dự án, kế hoạch được giao do các Hội đồng thu hút, tuyển chọn của Thành phố đề xuất.

c) Trường hợp người có tài năng đặc biệt chưa đủ tuổi lao động thì vẫn thực hiện tiếp nhận và ký hợp đồng theo quy định của Bộ luật Lao động.

2. Việc tuyển dụng vào công chức, viên chức đối với chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt khi có nguyện vọng và đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện thực hiện theo quy định pháp luật.

3. Các trường hợp chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt đã được tuyển chọn và ký kết hợp đồng là người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài sẽ được cơ quan, đơn vị tiếp nhận hỗ trợ thực hiện các thủ tục về xin giấy phép lao động tại Việt Nam.

Chương III

THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐÃI NGỘ ĐỐI VỚI CHUYÊN GIA, NHÀ KHOA HỌC VÀ NGƯỜI CÓ TÀI NĂNG ĐẶC BIỆT

Điều 10. Thực hiện các chính sách đãi ngộ

1. Thực hiện chi trả mức hỗ trợ thu nhập ban đầu cho chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt sau khi hợp đồng lao động có hiệu lực.

2. Căn cứ đề xuất của Hội đồng thu hút, tuyển chọn, người đứng đầu cơ quan, đơn vị hoặc cấp có thẩm quyền quyết định và chi trả mức thu nhập hằng tháng cụ thể cho từng trường hợp theo quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố về mức thu nhập chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt đối với lĩnh vực Thành phố Hồ Chí Minh có nhu cầu thu hút.

Thu nhập hằng tháng và các chính sách khác trong thời gian nghỉ thai sản và nghỉ việc riêng thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

3. Căn cứ đề xuất của Hội đồng thu hút, tuyển chọn, người đứng đầu cơ quan, đơn vị hoặc cấp có thẩm quyền quyết định và chi trả mức thu nhập khuyến khích nghiên cứu khoa học, phát huy năng lực trí tuệ, phát triển công nghệ cho từng trường hợp theo nguyên tắc:

a) Trường hợp có nhiều chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt cùng tham gia 01 công trình thì các thành viên được hưởng mức thu nhập khuyến khích theo tỉ lệ công sức đóng góp (phải có bảng đánh giá cụ thể) hoặc theo tỉ lệ thỏa thuận của các thành viên đối với tổng mức khuyến khích đã chi trả cho cả nhóm.

b) Trong trường hợp không thỏa thuận được tỉ lệ hưởng giữa các thành viên thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị hoặc cấp có thẩm quyền căn cứ kết quả đánh giá quyết định.

4. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị hoặc cấp có thẩm quyền chịu trách nhiệm xác nhận tình trạng khó khăn về nhà ở (nếu có) đối với chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt và thực hiện chính sách hỗ trợ về nhà ở. Trường hợp không bố trí được nhà công vụ thì chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt được xem xét, cho hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố về mức thu nhập chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt đối với lĩnh vực Thành phố Hồ Chí Minh có nhu cầu thu hút.

5. Quản lý, khai thác sản phẩm khoa học, công nghệ

a) Cơ quan, đơn vị thu hút chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt có toàn bộ quyền sở hữu và quyền khai thác, sử dụng đối với toàn bộ các tài sản trí tuệ phát sinh từ kết quả nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của các chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt đã thu hút có liên quan đến lĩnh vực được thu hút trong thời hạn hợp đồng.

b) Chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt được cơ quan, đơn vị xem xét, cho hưởng phần phân chia lợi nhuận từ kết quả thương mại hóa sản phẩm trí tuệ theo quy định của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, Luật Chuyển giao công nghệ và Luật Sở hữu trí tuệ.

Điều 11. Hỗ trợ về phương tiện đi lại

Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tạo điều kiện, bố trí phương tiện đi lại, làm việc cho các chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt trong khả năng, điều kiện của cơ quan, đơn vị.

Điều 12. Thu hút chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt đối với các Tổng Công ty, Công ty, tổ chức kinh tế và các tổ chức khác thuộc phạm

vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố

1. Chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt được thu hút vào làm việc cho các Tổng Công ty, Công ty, tổ chức kinh tế và các tổ chức khác thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố được áp dụng quy trình thu hút và chính sách theo Quy định này.

2. Kinh phí thực hiện trình tự thu hút và chính sách đãi ngộ cho người được thu hút được chi từ nguồn tài chính của đơn vị, các nguồn tài chính khác theo quy định hiện hành.

Điều 13. Đầu tư cơ sở vật chất và tạo môi trường làm việc

1. Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phân công, giao nhiệm vụ cho các chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt thực hiện các công trình, đề tài, công việc chuyên môn theo yêu cầu của vị trí thu hút và nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị được giao.

2. Cơ quan, đơn vị sử dụng chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm:

a) Kiến nghị Ủy ban nhân dân Thành phố tăng cường đầu tư xây dựng, nâng cấp các phòng thí nghiệm chuyên ngành cho các đại học, trường đại học, viện, trung tâm nghiên cứu khoa học và công nghệ và các cơ sở đào tạo, huấn luyện, biểu diễn văn hóa, nghệ thuật và thể dục, thể thao.

b) Giới thiệu, tạo điều kiện tiếp cận và sử dụng chung phòng thí nghiệm của các đại học, trường đại học, viện, trung tâm nghiên cứu và trang thiết bị của các trung tâm đào tạo, huấn luyện, biểu diễn văn hóa, nghệ thuật và thể dục, thể thao nhằm khai thác hiệu quả kinh phí đầu tư phát triển cơ sở vật chất.

c) Đề xuất chế độ ưu tiên cho các chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt được sử dụng miễn phí phòng thí nghiệm, cơ sở dữ liệu, thư viện của Thành phố phục vụ công tác nghiên cứu.

3. Cơ quan, đơn vị ưu tiên xem xét, bố trí kinh phí nghiên cứu đề án, đề tài và đầu tư trang thiết bị phù hợp cho việc nghiên cứu, biên soạn các văn bản, công trình khoa học, đề án, dự án theo điều kiện và khả năng của cơ quan, đơn vị.

4. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, cởi mở, tăng cường dân chủ, tiếp thu các ý kiến xác đáng của chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt; tạo mọi điều kiện tiếp cận, khai thác thông tin, tài liệu chuyên ngành phục vụ hoạt động chuyên môn và nghiên cứu khoa học, các tài liệu thuộc bí mật nhà nước khi được cấp có thẩm quyền cho phép.

Chương IV

ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC VÀ PHÁT TRIỂN CHUYÊN GIA, NHÀ KHOA HỌC VÀ NGƯỜI CÓ TÀI NĂNG ĐẶC BIỆT

Điều 14. Yêu cầu đối với chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt đã được thu hút

1. Chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt phải nghiêm túc thực hiện tốt các yêu cầu sau đây:

a) Thực hiện và chấp hành nghiêm quy định pháp luật, nội quy của cơ quan, đơn vị.

b) Phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo, tích cực, gương mẫu trong công tác tìm hiểu, nghiên cứu các đề án, công trình nghiên cứu khoa học, công nghệ trong lĩnh vực có liên quan đến công việc được phân công. Chủ động nghiên cứu các giải pháp cải tiến khoa học kỹ thuật, giải pháp đổi mới quản lý, vận hành các quy trình, thủ tục đang áp dụng tại cơ quan, đơn vị.

c) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ khác đã cam kết theo quy định pháp luật.

2. Người không đáp ứng được yêu cầu khi vi phạm một trong các trường hợp sau đây:

a) Vi phạm quy định pháp luật, nội quy cơ quan, đơn vị hoặc không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu theo khoản 1 Điều này.

b) Vi phạm các nghĩa vụ đã cam kết theo các điều khoản hợp đồng đã ký với cơ quan, đơn vị chủ quản.

c) Chất lượng công trình nghiên cứu khoa học, đề án, đề tài, dự án, sản phẩm trí tuệ bị đánh giá là “không đạt yêu cầu” thuộc một trong các trường hợp

sau: không đạt yêu cầu về tiến độ và chất lượng nghiên cứu; bị phát hiện là sao chép, vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ hoặc giả mạo công trình nghiên cứu; có nội dung trái quy định pháp luật; vi phạm quy định pháp luật trong các khâu của quá trình thực hiện.

d) Bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ giả mạo hoặc khai báo không trung thực về thành tích học thuật, chuyên môn.

đ) Sử dụng thông tin, tài liệu nghiên cứu vào mục đích trục lợi cá nhân; phát tán, làm lộ thông tin, tài liệu quan trọng thuộc bí mật nhà nước.

e) Có đủ khả năng, điều kiện nhưng thoái thác, không nỗ lực phấn đấu đạt thành tích cao nhất trong hoạt động chuyên môn theo yêu cầu của cơ quan, đơn vị.

Điều 15. Đánh giá năng lực, chất lượng hoàn thành nhiệm vụ

1. Trách nhiệm đánh giá năng lực:

a) Việc đánh giá năng lực chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt được thực hiện thông qua đánh giá tiến độ thực hiện và chất lượng đề án, đề tài, công trình nghiên cứu, sản phẩm khoa học thực hiện theo quy định hiện hành.

b) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố về chất lượng công trình nghiên cứu khoa học, sản phẩm trí tuệ, nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị được giao; chịu trách nhiệm về hiệu quả khai thác và phát huy năng lực của chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt đã thu hút.

2. Sở Khoa học và Công nghệ hoặc Sở Văn hóa và Thể thao (đối với các vị trí thu hút người có tài năng đặc biệt cho lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật - thể dục, thể thao) chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị hướng dẫn và tổng hợp công tác đánh giá năng lực chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt đảm bảo chính xác và hiệu quả, tập trung các vấn đề: thành phần tham gia đánh giá; phương thức, nội dung và quy trình đánh giá; báo cáo chất lượng các công trình, đề tài nghiên cứu, sản phẩm trí tuệ hoặc báo cáo quá trình phát huy năng lực chuyên môn; kinh phí tổ chức đánh giá; phương án giải quyết và trách nhiệm của các bên, các tổ chức, cá nhân đối với các công trình, đề tài nghiên cứu, sản phẩm trí tuệ không đạt yêu cầu.

3. Quy trình đánh giá:

a) Định kỳ 06 tháng và trước thời điểm hợp đồng hết hiệu lực, người đứng đầu cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hoặc Sở Văn hóa và Thể thao (đối với các vị trí thu hút người có tài năng đặc biệt cho lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật - thể dục, thể thao) tổ chức đánh giá, thẩm định tiến độ hoàn thành nhiệm vụ đã cam kết và chất lượng các công trình do chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt thực hiện (trường hợp cần thiết có thể phối hợp với các cơ quan, đơn vị khác có liên quan).

b) Sau khi hoàn thành công tác đánh giá phải có biên bản kết luận kết quả đánh giá có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt và đại diện Sở Khoa học và Công nghệ hoặc Sở Văn hóa và Thể thao gửi về Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Khoa học và Công nghệ hoặc Sở Văn hóa và Thể thao) để theo dõi.

4. Đối với các hợp đồng có thời hạn dưới 12 tháng thì cơ quan, đơn vị tiếp nhận có trách nhiệm phối hợp, thống nhất với chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt thực hiện công tác đánh giá định kỳ (trừ lần đánh giá cuối cùng trước thời điểm hợp đồng hết hiệu lực) phù hợp với điều kiện, yêu cầu nhiệm vụ và gửi báo cáo kết quả đánh giá về Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Khoa học và Công nghệ hoặc Sở Văn hóa và Thể thao) để theo dõi.

Điều 16. Quản lý chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt

1. Các cơ quan, đơn vị phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ hoặc Sở Văn hóa và Thể thao thường xuyên theo dõi tiến độ thực hiện nhiệm vụ của chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt đang công tác; kịp thời báo cáo kết quả đánh giá năng lực và những đề xuất, kiến nghị liên quan đến chính sách thu hút theo Quy định này về Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Sở Nội vụ phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hoặc Sở Văn hóa và Thể thao chịu trách nhiệm tổng hợp kết quả sử dụng chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt, đề xuất danh mục các ngành, lĩnh vực cần thu hút và chính sách phát triển đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học cho Ủy ban nhân dân Thành phố để báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố xem xét và điều chỉnh chính sách cho phù hợp.

Điều 17. Chính sách đào tạo, bồi dưỡng phát huy năng lực đối với người có tài năng đặc biệt

1. Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tạo điều kiện và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đối với các trường hợp có tài năng đặc biệt để duy trì thành tích, năng lực chuyên môn cho giai đoạn tiếp theo, cụ thể:

a) Ưu tiên xét chọn cử đi bồi dưỡng nâng cao trình độ, tham gia hội nghị, hội thảo khoa học trong và ngoài nước đối với các tài năng đặc biệt thuộc lĩnh vực khoa học - công nghệ; hoạch định chính sách và xây dựng hạ tầng đô thị, dịch vụ công.

b) Tổ chức các khóa tập huấn chuyên sâu, cử tham dự các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên ngành, năng khiếu hoặc mời chuyên gia bồi dưỡng, phát huy năng khiếu, sở trường của người có tài năng đặc biệt.

2. Ưu tiên huy động xã hội hóa, sử dụng nguồn kinh phí ngoài ngân sách phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng. Các trường hợp sử dụng ngân sách phải được rà soát, thực hiện trong khuôn khổ kinh phí bố trí các chương trình, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực có liên quan của Thành phố (nếu có) theo quy định pháp luật.

Điều 18. Chính sách áp dụng đối với các trường hợp không đạt yêu cầu

1. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị hoặc cấp có thẩm quyền quyết định không tiếp tục cho hưởng các chính sách ưu đãi về tiền lương, các khoản hỗ trợ, khuyến khích và các chính sách ưu tiên khác; đồng thời tiến hành thủ tục chấm dứt hợp đồng và thu hồi các khoản kinh phí đã cấp để phục vụ nghiên cứu khoa học, công nghệ nhưng chưa sử dụng hết hoặc chi trả sai quy định (nếu có) đối với các trường hợp không đạt yêu cầu.

2. Trường hợp có phát sinh khiếu nại, tố cáo hoặc sai phạm liên quan đến quản lý, theo dõi và thực hiện các chính sách thu hút, đãi ngộ chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt thì xử lý theo quy định pháp luật.

Điều 19. Xây dựng không gian kết nối, giao lưu, đối thoại và tôn vinh

1. Xây dựng không gian kết nối:

a) Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, thành lập các câu lạc bộ chuyên gia,

nhà khoa học và tài năng đặc biệt (trong đó có các nhóm chuyên môn theo ngành, lĩnh vực), tạo không gian chia sẻ thông tin, giao lưu, học hỏi kinh nghiệm và tạo cơ hội trình bày ý tưởng sáng tạo mới để ứng dụng, nhân rộng trong cộng đồng, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và định hướng, giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ kế thừa cho các lĩnh vực trong giai đoạn tiếp theo.

b) Đối tượng, thành phần, quy chế hoạt động và quản lý các câu lạc bộ chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt do các Hội đồng thu hút, tuyển chọn phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Giao lưu, đối thoại:

a) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị thường xuyên quan tâm, theo dõi, định kỳ tổ chức đối thoại, tham vấn và xem xét, giải quyết hoặc tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố về các vấn đề và chính sách liên quan đến thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt.

b) Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức hội nghị giao lưu, đối thoại giữa lãnh đạo Thành phố với các chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt để trao đổi, lắng nghe ý kiến; tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng, tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện để chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt phát huy năng lực, tinh thần cống hiến cho sự phát triển của Thành phố.

3. Các trường hợp có nhiều đóng góp, thành tích đặc biệt xuất sắc, có ảnh hưởng tích cực và rộng rãi đối với ngành, lĩnh vực và toàn Thành phố thì được xem xét, trao tặng các giải thưởng, bằng khen và các hình thức ghi nhận, tôn vinh xứng đáng với kết quả cống hiến.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hóa và Thể thao và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quy định này.

2. Thực hiện thủ tục cấp phép cho lao động là người nước ngoài làm việc tại Thành phố đối với chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt có quốc

tịch nước ngoài theo đúng quy định.

3. Phối hợp, có ý kiến, khuyến nghị về dự thảo hợp đồng khi có đề nghị của các cơ quan, đơn vị. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố về giải quyết các vấn đề tranh chấp phát sinh trong khuôn khổ chức năng, nhiệm vụ được giao.

4. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổng hợp kết quả đánh giá năng lực của chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt đã thu hút và các vấn đề khó khăn, vướng mắc phát sinh, định kỳ báo cáo Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo.

5. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hóa và Thể thao và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng hệ thống các danh hiệu, giải thưởng khuyến khích cho chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt tiêu biểu cấp Thành phố.

6. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện giải quyết khiếu nại, tố cáo và các vấn đề phát sinh theo quy định pháp luật.

Điều 21. Trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu của Thành phố về chuyên gia, nhà khoa học cần thu hút và những trường hợp có đầy đủ các tiêu chí là tài năng đặc biệt cần được phát hiện, bồi dưỡng.

2. Thay mặt Ủy ban nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm tổng hợp tình hình phát triển và đề xuất các chính sách liên quan đến đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt (trừ các lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật - thể dục, thể thao). Phối hợp với các cơ quan sử dụng chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt định kỳ theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả và các vấn đề khó khăn, vướng mắc phát sinh, định kỳ báo cáo Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo.

3. Phối hợp với Sở Ngoại vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo và các đại học, trường đại học, viện, trung tâm nghiên cứu trong và ngoài nước để tìm kiếm, phát hiện, tuyển chọn các đối tượng có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn để giới thiệu, khuyến khích các nhân sĩ, trí thức, chuyên gia khoa học và công nghệ

tham dự.

4. Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố tăng cường đầu tư xây dựng, nâng cấp các phòng thí nghiệm chuyên ngành cho các đại học, trường đại học, viện, trung tâm nghiên cứu; tham mưu xây dựng cơ chế phối hợp, sử dụng chung phòng thí nghiệm nhằm khai thác hiệu quả kinh phí đầu tư phát triển nghiên cứu khoa học; xây dựng cơ chế ưu tiên cho các chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt của Thành phố được sử dụng miễn phí phòng thí nghiệm phục vụ công tác chuyên môn theo chính sách thu hút này.

5. Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng hệ thống các danh hiệu, giải thưởng khuyến khích cho đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt tiêu biểu cấp Thành phố.

Điều 22. Trách nhiệm của Sở Văn hóa và Thể thao

1. Thay mặt Ủy ban nhân dân Thành phố chịu trách nhiệm tổng hợp tình hình phát triển và đề xuất các chính sách liên quan đến người có tài năng đặc biệt thuộc lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật - thể dục, thể thao. Phối hợp với các cơ quan sử dụng người có tài năng đặc biệt định kỳ theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả và các vấn đề khó khăn, vướng mắc phát sinh, định kỳ báo cáo Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo.

2. Phối hợp với Sở Ngoại vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo và các đại học, trường đại học, viện, trung tâm đào tạo, huấn luyện, biểu diễn văn hóa, nghệ thuật - thể dục, thể thao trong và ngoài nước để tìm kiếm, phát hiện, tuyển chọn các đối tượng có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn để giới thiệu, khuyến khích các nhân sĩ, trí thức, nghệ sĩ, diễn viên, huấn luyện viên, vận động viên đã có nhiều thành tích xuất sắc tham dự.

3. Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố tăng cường đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ huấn luyện, bồi dưỡng, trình diễn và thi đấu nghệ thuật, thể thao và cơ chế ưu tiên cho người có tài năng đặc biệt được sử dụng miễn phí trang thiết bị hiện đại của các trung tâm, cơ sở đào tạo, huấn luyện, trình diễn, thi đấu trong và ngoài nước.

4. Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng hệ thống các danh hiệu, giải thưởng khuyến khích cho người có tài năng đặc biệt tiêu biểu

cấp Thành phố.

Điều 23. Trách nhiệm của Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ, Sở Văn hóa và Thể thao và các đại học, trường đại học, học viện trong và ngoài nước để tìm kiếm, phát hiện các đối tượng có đủ các điều kiện, tiêu chuẩn để giới thiệu, khuyến khích các trí thức, chuyên gia, người có chuyên môn sâu và các tài năng, năng khiếu trẻ đang hoạt động trong môi trường giáo dục và đào tạo tham dự.

2. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Nội vụ xác định văn bằng, chứng chỉ của người tham dự khi cần thiết.

3. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng môi trường làm việc phù hợp để phát huy năng lực đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt.

Điều 24. Trách nhiệm của Sở Tư pháp

1. Phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hóa và Thể thao, Công an Thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát các vấn đề có liên quan đến quốc tịch của người tham dự và các vấn đề khác có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ khi có yêu cầu.

2. Góp ý, thẩm định các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

Điều 25. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hóa và Thể thao tiến hành rà soát, tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí nguồn kinh phí cho các cơ quan, đơn vị thực hiện thu hút, tuyển chọn và chi trả chế độ, chính sách cho các trường hợp chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt theo quy định.

Điều 26. Trách nhiệm của Công an Thành phố

1. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan về cấp lý lịch tư pháp và thực hiện xác minh một số thông tin về nhân thân của người tham dự theo quy định pháp luật và yêu cầu của cơ quan, đơn vị có nhu cầu thu hút chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt.

2. Thông báo cho các cơ quan, đơn vị và thực hiện các giải pháp phù hợp đối với những trường hợp cần xem xét kỹ về lý lịch, các đối tượng cần có biện pháp ngăn chặn do có thành phần phức tạp, đang trong diện điều tra, thanh tra, chấp hành án dân sự, hình sự (nếu có).

Điều 27. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng áp dụng của chính sách thu hút

1. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu của Thành phố về đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học cần thu hút và những trường hợp có đầy đủ các tiêu chí là tài năng đặc biệt cần được phát hiện, bồi dưỡng.

2. Rà soát, đánh giá chính xác nhu cầu thu hút; chịu trách nhiệm về số lượng, tỉ lệ và yêu cầu đối với các vị trí cần thu hút chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt để đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

3. Tổ chức thu hút, tuyển chọn chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt đảm bảo nghiêm túc, công khai, minh bạch, công bằng, khách quan, đúng quy định pháp luật.

4. Phân công, hướng dẫn và giao nhiệm vụ phù hợp với năng lực và trình độ của chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt theo các điều kiện hợp đồng đã cam kết giữa các bên có liên quan.

5. Tổ chức thực hiện và tổng hợp, báo cáo kết quả đánh giá năng lực chuyên gia, nhà khoa học; phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Văn hóa và Thể thao và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổng hợp, báo cáo theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan giải quyết khiếu nại, tố cáo và các vấn đề tranh chấp phát sinh theo thẩm quyền.

Điều 28. Tổ chức thực hiện

1. Kinh phí thực hiện việc thu hút, tuyển chọn và đãi ngộ chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt thực hiện theo quy định. Việc xây dựng dự toán, giao kinh phí để thực hiện quy trình tuyển chọn và chi trả các chế độ, chính sách đãi ngộ, thu hút được thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Nghiêm cấm việc lợi dụng Quy định này để thực hiện các hành vi tiêu cực trong bất kỳ khâu nào của quy trình tuyển chọn, sử dụng và phát huy đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học và người có tài năng đặc biệt của Thành phố.

3. Trường hợp các quy định được viện dẫn trong Quy định này có bổ sung, sửa đổi hoặc được thay thế thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật mới ban hành; trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng báo cáo và tổ chức các hội nghị sơ kết theo định kỳ hàng năm và tổng kết thực hiện Quy định này trong thời gian thực hiện thí điểm theo Nghị quyết của Quốc hội theo quy định.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị gửi ý kiến đóng góp, phản ánh bằng văn bản về Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ hoặc Sở Văn hóa và Thể thao) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2026/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định phân cấp quản lý, bảo vệ, thực hiện các biện pháp
ngăn chặn và xử lý các hành vi lấn chiếm đất dành cho đường sắt
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa
đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Đường sắt số 95/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban
hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số
187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính
phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh
vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 56/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ
quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1086/TTr-SXD-QLĐS
ngày 12 tháng 01 năm 2026 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số
157/BC-STP ngày 08 tháng 01 năm 2026;*

*Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định quy định phân
cấp quản lý, bảo vệ, thực hiện các biện pháp ngăn chặn và xử lý các hành vi lấn
chiếm đất dành cho đường sắt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định việc phân cấp thẩm quyền cho Ủy ban nhân dân xã, phường (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện công tác quản lý, bảo vệ, ngăn chặn và xử lý các hành vi lấn chiếm đất dành cho đường sắt.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đường sắt đi qua trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt và sử dụng đất dành cho đường sắt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 3. Nội dung phân cấp

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đường sắt đi qua thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn liên quan đến công tác quản lý, bảo vệ, ngăn chặn và xử lý các hành vi lấn chiếm đất dành cho đường sắt trong phạm vi địa giới hành chính của đơn vị như sau:

1. Thực hiện giám sát, kiểm tra thường xuyên đối với đất dành cho đường sắt trên địa bàn; kịp thời phát hiện các hành vi lấn chiếm, sử dụng sai mục đích hoặc vi phạm hành lang an toàn giao thông đường sắt.

2. Tổ chức quản lý, bảo vệ đất dành cho đường sắt trong phạm vi địa bàn quản lý; kịp thời phát hiện, áp dụng các biện pháp ngăn chặn hành vi vi phạm ngay từ khi mới phát sinh; lập biên bản ghi nhận, lập hồ sơ và thực hiện việc xử lý hoặc kiến nghị xử lý theo thẩm quyền đối với các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

a) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm vượt quá thẩm quyền xử lý của Ủy ban nhân dân cấp xã và đã xác định rõ cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật chuyên ngành thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ và chuyển cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định.

b) Trường hợp hành vi vi phạm có tính chất phức tạp, liên quan nhiều lĩnh vực, vượt thẩm quyền xử lý của Ủy ban nhân dân cấp xã và cần có sự chỉ đạo, điều phối thống nhất thì Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo Sở Xây dựng để tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo.

c) Trường hợp hành vi vi phạm liên quan đến đất dành cho đường sắt xảy ra trên địa giới hành chính của từ hai đơn vị cấp xã trở lên thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có

phần diện tích vi phạm chính hoặc phần diện tích vi phạm lớn hơn chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan để tổ chức kiểm tra, xử lý theo thẩm quyền; trường hợp vượt thẩm quyền hoặc có ý kiến khác nhau thì Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Sở Xây dựng để tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, chỉ đạo.

3. Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và tổ chức xử lý theo quy định của pháp luật đối với các hành vi lấn, chiếm đất dành cho đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt, phạm vi bảo vệ công trình đường sắt; tự mở lối đi qua đường sắt khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép; để chướng ngại vật, chất dễ cháy, chất dễ nổ, chất độc hại trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt và hành lang an toàn giao thông đường sắt.

4. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến quản lý, sử dụng đất dành cho đường sắt trong phạm vi thẩm quyền theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và đất đai.

5. Phối hợp với cơ quan, tổ chức được giao quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt trong việc cung cấp thông tin, xác nhận hiện trạng sử dụng đất liên quan đến phạm vi đất dành cho đường sắt trên địa bàn; phối hợp xử lý các tồn tại, vướng mắc phát sinh trong quá trình quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng đường sắt theo quy định của pháp luật.

6. Chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp quản lý kết cấu hạ tầng đường sắt, chủ sở hữu đường sắt chuyên dùng và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tổ chức xử lý, xóa bỏ lối đi tự mở qua đường sắt khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép theo quy định của pháp luật; phối hợp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường sắt tại các vị trí đường ngang trên địa bàn.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc thực hiện các nội dung phân cấp quy định tại Điều 3 Quyết định này; chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tình trạng phát sinh lối đi tự mở khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép, lấn chiếm hành lang an toàn giao thông đường sắt mới mà không được xử lý dứt điểm.

2. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ; định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp xã; tổng hợp tình hình, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo xử lý các vấn đề vượt thẩm quyền.

3. Sở Tài chính chịu trách nhiệm đảm bảo nguồn kinh phí và hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo phân cấp quản lý, bảo vệ, thực hiện các biện pháp ngăn chặn và xử lý các hành vi lấn chiếm đất dành cho đường sắt trên địa bàn của Ủy ban nhân dân Thành phố.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Công an Thành phố và các sở, ngành liên quan có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ Ủy ban nhân dân cấp xã trong công tác xác định ranh giới đất dành cho đường sắt, cưỡng chế vi phạm và đảm bảo an ninh trật tự khi xử lý vi phạm.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2026.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Công an Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường nơi có đường sắt đi qua, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành Thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Xuân Cường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2026/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phân cấp cho Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố
Hồ Chí Minh về cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa cho hàng hóa
của các doanh nghiệp trong khu chế xuất, khu công nghiệp
Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 31/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết Luật Quản lý ngoại thương về xuất xứ hàng hóa;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 146/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Căn cứ Thông tư số 40/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương về ban hành Thông tư quy định về cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và chấp thuận bằng văn bản cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu theo khoản 6 Điều 28 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh tại Tờ trình số 6960/TTr-BQL ngày 29 tháng 12 năm 2025; ý kiến, thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 5678/BC-STP ngày 01 tháng 10 năm 2025, Phiếu ý kiến số 1034/STP-VB ngày 29 tháng 01 năm 2026; đề xuất của Sở Nội vụ tại Báo cáo số 1464/SNV-BC ngày 24 tháng 01 năm 2026 và ý kiến thống nhất của

Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố;

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định phân cấp cho Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh về cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa cho hàng hóa của các doanh nghiệp trong khu chế xuất, khu công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định việc phân cấp thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa đối với các doanh nghiệp trong khu chế xuất, khu công nghiệp quy định tại khoản 6 Điều 28 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại; thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định tại Điều 4 và Phụ lục II, III ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và chấp thuận bằng văn bản cho thương nhân tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa xuất khẩu theo khoản 6 Điều 28 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP của Chính phủ cho Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, thương nhân, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến nhiệm vụ quản lý nhà nước về xuất xứ hàng hóa.

Điều 2. Nội dung phân cấp

Phân cấp cho Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện cấp 07 loại Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định tại khoản 6 Điều 28 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP và Điều 4, Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BCT cho hàng hóa của các doanh nghiệp trong khu chế xuất, khu công nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu D.
2. Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu AK.

3. Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu AJ.
4. Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu AHK.
5. Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu RCEP.
6. Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu VK.
7. Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ưu đãi mẫu VJ.

Điều 3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã phân cấp, bảo đảm các nội dung phân cấp được thực hiện hiệu lực, hiệu quả; xử lý vi phạm đối với việc triển khai cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh.

a) Tổ chức triển khai, thực hiện thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định pháp luật hiện hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.

b) Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh công bố, công khai thủ tục hành chính; rà soát, điều chỉnh và trình phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo quy định về cơ chế một cửa, một liên thông.

c) Không được phân cấp tiếp quyền hạn, nhiệm vụ mà mình được phân cấp.

d) Thực hiện việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo quy định.

đ) Đảm bảo nhân sự, cơ sở hạ tầng, hệ thống phần mềm phục vụ nhiệm vụ cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa theo hướng dẫn của Bộ Công thương tại Điều 5 và Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 40/2025/TT-BCT hoặc các văn bản hướng dẫn thay thế (nếu có).

e) Thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bộ Công thương.

2. Các sở, ban, ngành; tổ chức, cá nhân có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ,

quyền hạn được giao có trách nhiệm phối hợp, hỗ trợ Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được phân cấp theo Quyết định này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký đến ngày 28 tháng 02 năm 2027.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật là căn cứ phân cấp được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng văn bản mới có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Trưởng ban Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã, đặc khu, thương nhân và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Lộc Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2026/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định về phân cấp cho Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện
một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố
trong lĩnh vực dược và trẻ em trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 163/2025/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức hướng dẫn, thi hành Luật Dược;

Căn cứ Quyết định số 21/2025/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 104/TTr-SYT ngày 08 tháng 01 năm 2026, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 5835/BC-STP-VB ngày 29 tháng 10 năm 2025 và kết quả lấy ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố;

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định quy định về phân cấp cho Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố trong lĩnh vực dược và trẻ em trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định việc Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp thẩm quyền

giải quyết một số nhiệm vụ trong lĩnh vực dược và trẻ em theo quy định tại Nghị định số 147/2025/NĐ-CP và Nghị định số 163/2025/NĐ-CP trên địa bàn Thành phố cho Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh;
- b) Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu;
- c) Các cơ quan, đơn vị có liên quan đến lĩnh vực dược và trẻ em trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Nội dung phân cấp

Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phân cấp cho Sở Y tế thực hiện các nội dung liên quan đến lĩnh vực dược và trẻ em, cụ thể:

1. Chỉ định cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhượng lại thuốc phải kiểm soát đặc biệt để bảo đảm đủ thuốc cho người bệnh trong trường hợp trên địa bàn không có cơ sở bán lẻ thuốc phải kiểm soát đặc biệt theo quy định tại khoản 8 Điều 34 Nghị định số 163/2025/NĐ-CP.

2. Tiếp nhận báo cáo thuốc phải kiểm soát đặc biệt cơ sở bán buôn, cơ sở bán lẻ, cơ sở tổ chức chuỗi nhà thuốc theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định số 163/2025/NĐ-CP.

3. Báo cáo về Bộ Y tế danh sách các cơ sở bán buôn, bán lẻ thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp chứa tiền chất trên địa bàn Thành phố; báo cáo nhập khẩu, xuất khẩu thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc của các cơ sở trên địa bàn theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Nghị định số 163/2025/NĐ-CP.

4. Tiếp nhận báo cáo của các cơ sở kinh doanh dược có trụ sở chính trên địa bàn Thành phố trong trường hợp phát hiện nhằm lẫn, thất thoát thuốc phóng xạ, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất; nguyên liệu làm thuốc là chất phóng xạ, dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc theo quy định tại khoản 4 Điều 35 Nghị định số 163/2025/NĐ-CP.

5. Tiếp nhận thông báo việc hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất

dùng làm thuốc của cơ sở theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 36 Nghị định số 163/2025/NĐ-CP.

6. Tiếp nhận thông báo của cơ sở nhập khẩu về kết quả kiểm nghiệm thuốc không đạt yêu cầu theo quy định tại khoản 4 Điều 88 Nghị định số 163/2025/NĐ-CP.

7. Tiếp nhận và thực hiện quyết định của Bộ Y tế về thu hồi nguyên liệu làm thuốc vi phạm trong trường hợp thu hồi bắt buộc; tiếp nhận quyết định thu hồi nguyên liệu làm thuốc của cơ sở sản xuất nguyên liệu làm thuốc trong nước, cơ sở nhập khẩu nguyên liệu làm thuốc trong trường hợp thu hồi tự nguyện theo quy định tại Điều 100 Nghị định số 163/2025/NĐ-CP.

8. Tiếp nhận văn bản thông báo của cơ sở đã được cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc trước khi tiến hành quảng cáo thuốc thông qua phương tiện tổ chức hội thảo, hội nghị, sự kiện hoặc thông báo thay đổi về địa điểm, thời gian tổ chức quảng cáo thuốc theo hình thức hội thảo, hội nghị, sự kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 108 Nghị định số 163/2025/NĐ-CP.

9. Thực hiện nhiệm vụ phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan hướng dẫn, giúp đỡ Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp và áp dụng các biện pháp bảo vệ phù hợp khác đối với trẻ em quy định về thẩm quyền thực hiện phục hồi và tái hòa nhập cộng đồng cho trẻ em vi phạm pháp luật tại Điều 20 Nghị định số 147/2025/NĐ-CP, khoản 4 Điều 73 Luật Trẻ em.

Điều 3. Trách nhiệm, quyền hạn của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

1. Bảo đảm các điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn phân cấp.

2. Có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã phân cấp, bảo đảm các nội dung phân cấp được thực hiện hiệu lực, hiệu quả; chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã phân cấp trong trường hợp không bảo đảm điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

Điều 4. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh

1. Thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo nội dung được phân cấp quy định tại Điều 2 Quyết định này. Việc thực hiện các công việc được phân cấp phải tuân thủ quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan đến lĩnh vực được phân cấp và phù hợp với quy định tại văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân

Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

2. Được sử dụng con dấu của Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh trong quá trình thực hiện nội dung được Ủy ban nhân dân Thành phố phân cấp.

3. Chuẩn bị các nguồn lực cần thiết để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp tại Điều 2 Quyết định này.

4. Quản lý, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lĩnh vực y tế, trẻ em theo nội dung phân cấp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật; kiểm tra và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật về việc lĩnh vực y tế, trẻ em thuộc phạm vi được phân cấp.

6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Ủy ban nhân dân Thành phố về kết quả việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.

7. Không được phân cấp tiếp nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được phân cấp.

8. Chấp hành kế hoạch kiểm tra, thanh tra về các nội dung được phân cấp.

9. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm hoặc đột xuất báo cáo về tình hình thực hiện phạm vi được phân cấp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh làm đầu mối tổng hợp báo cáo kết quả trình Ủy ban nhân dân Thành phố báo cáo Bộ Y tế.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 02 năm 2026.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc Sở Y tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Thị Diệu Thúy

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 09/2026/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công thương;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

Căn cứ Thông tư số 14/2024/TT-BCT ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp, cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước và một số mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công thương tại Tờ trình số 6949/TTr-SCT ngày 23 tháng 12 năm 2025, Tờ trình số 1027/TTr-SCT ngày 30 tháng 01 năm 2026; ý kiến, thẩm định Sở Tư pháp tại Báo cáo số 7118/BC-STP ngày 26 tháng 11 năm 2025 và Công văn số 953/STP-VB ngày 28 tháng 01 năm 2026; ý kiến thống nhất của

Thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố;

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 12 tháng 02 năm 2026.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Lộc Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 09/2026/QĐ-UBND ngày 10 tháng 02 năm 2026
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, phương thức, nội dung và trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Các nội dung về công tác quản lý nhà nước có liên quan đến cụm công nghiệp chưa quy định trong Quy chế này, được thực hiện theo các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về phát triển cụm công nghiệp.

b) Các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đầu tư (gọi tắt là chủ đầu tư) xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

c) Các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp (gọi tắt là đơn vị thứ cấp).

Điều 2. Nguyên tắc quản lý và phương thức phối hợp

1. Nguyên tắc quản lý

a) Sở Công Thương có trách nhiệm chủ trì, tham mưu cho Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo công tác quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố và thực

hiện công tác quản lý nhà nước về các hoạt động liên quan đến lĩnh vực cụm công nghiệp trong phạm vi, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

b) Công tác quản lý cụm công nghiệp dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã, được thực hiện đồng bộ, kịp thời, chặt chẽ, thống nhất, không chồng chéo trong công tác quản lý, kiểm soát các hoạt động liên quan đến lĩnh vực cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh của đơn vị thứ cấp trong cụm công nghiệp.

2. Phương thức phối hợp

a) Đơn vị chủ trì

Tùy theo tính chất, nội dung công việc cần phối hợp, đơn vị chủ trì quyết định áp dụng một trong các phương thức sau đây: Phát hành văn bản, gửi hồ sơ đề nghị cơ quan, đơn vị phối hợp tham gia ý kiến; tổ chức cuộc họp tập trung; thành lập đoàn kiểm tra, thanh tra, rà soát liên ngành gồm thành viên của các cơ quan liên quan để triển khai nội dung công việc theo kế hoạch được duyệt; tổ chức gặp gỡ, đối thoại với các doanh nghiệp trong các cụm công nghiệp để trao đổi, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc ở các lĩnh vực có liên quan như: đầu tư, sản xuất kinh doanh, xuất khẩu, nhập khẩu, lao động, môi trường và các vấn đề liên quan khác.

Sau khi thực hiện nội dung, phương thức phối hợp, đơn vị chủ trì có trách nhiệm gửi nội dung, thông tin đến các đơn vị có liên quan được biết.

b) Đơn vị phối hợp

Có trách nhiệm trả lời bằng văn bản trong thời gian quy định khi đơn vị chủ trì phát hành văn bản, gửi hồ sơ đề nghị cơ quan, đơn vị phối hợp tham gia ý kiến.

Tham dự đầy đủ và có ý kiến về nội dung cuộc họp; trong trường hợp không thể tham dự, phải có văn bản tham gia ý kiến và chấp hành nội dung kết luận của cuộc họp.

Có trách nhiệm cử thành viên tham gia đoàn kiểm tra, thanh tra, rà soát liên ngành hoặc gặp gỡ, đối thoại với các chủ đầu tư, doanh nghiệp trong các cụm công nghiệp để trao đổi, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc khi cơ quan chủ trì có yêu cầu.

Chương II

NỘI DUNG QUẢN LÝ CỤM CÔNG NGHIỆP VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CÓ LIÊN QUAN

Điều 3. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện pháp luật, cơ chế, chính sách về cụm công nghiệp

1. Nội dung thực hiện

a) Xây dựng các quy định và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về cụm công nghiệp.

b) Hướng dẫn giải quyết các thủ tục triển khai đầu tư đối với các thủ tục đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp.

c) Hướng dẫn, hỗ trợ chủ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp thực hiện trình tự đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

a) Sở Công Thương là cơ quan đầu mối, chủ trì tham mưu xây dựng, điều chỉnh các chính sách có liên quan đến hoạt động quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố, tham mưu cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo dõi tổ chức thực hiện.

b) Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm hướng dẫn, giải quyết các thủ tục theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình; tham gia góp ý kiến các cơ chế, chính sách có liên quan trong cụm công nghiệp; tổ chức thực hiện pháp luật, chính sách về cụm công nghiệp theo thẩm quyền.

Điều 4. Xây dựng, tích hợp phương án phát triển cụm công nghiệp vào quy hoạch tổng thể Thành phố

1. Nội dung phương án phát triển cụm công nghiệp: thực hiện theo quy định Điều 4 và Điều 5 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP, pháp luật về quy hoạch và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

a) Sở Công Thương chủ trì xây dựng, hoàn thành phương án phát triển cụm

công nghiệp trên địa bàn theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP; có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố về phương án phát triển cụm công nghiệp; sau đó, chuyển cơ quan lập quy hoạch tổng thể thành phố.

b) Cơ quan lập quy hoạch tổng thể Thành phố xử lý, tích hợp phương án phát triển cụm công nghiệp vào quy hoạch tổng thể Thành phố, lấy ý kiến đối với quy hoạch tổng thể Thành phố (trong đó có phương án phát triển cụm công nghiệp) để hoàn thiện, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định.

c) Các sở, ngành và các đơn vị có liên quan tham gia góp ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ được giao khi nhận được đề nghị phối hợp của cơ quan chủ trì.

Điều 5. Xây dựng, tích hợp điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp vào điều chỉnh quy hoạch tổng thể Thành phố

1. Nội dung thực hiện: Xây dựng, tích hợp điều chỉnh và tổ chức thực hiện Phương án phát triển cụm công nghiệp theo quy định tại Điều 6, Điều 7 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP, pháp luật về quy hoạch và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

a) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp theo các nội dung quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP, gửi Sở Công Thương.

b) Sở Công Thương có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với sở, ngành, đơn vị liên quan xây dựng, hoàn thành đề nghị điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP; có văn bản báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố về điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp; sau đó, chuyển cơ quan lập quy hoạch tổng thể thành phố.

c) Cơ quan lập quy hoạch tổng thể Thành phố Hồ Chí Minh xử lý, tích hợp điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp vào điều chỉnh quy hoạch tổng thể Thành phố, lấy ý kiến đối với điều chỉnh quy hoạch tổng thể Thành phố (trong đó có điều chỉnh phương án phát triển cụm công nghiệp) để hoàn thiện và trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định.

d) Các sở, ngành và các đơn vị có liên quan khác tham gia góp ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ được giao khi nhận được đề nghị phối hợp của cơ quan chủ trì.

Điều 6. Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; điều chỉnh, bãi bỏ quyết định

thành lập, mở rộng cụm công nghiệp**1. Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp**

a) Điều kiện, hồ sơ, trình tự thành lập, mở rộng cụm công nghiệp: Thực hiện theo quy định tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 của Nghị định số 32/2024/NĐ-CP.

b) Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

- Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức hoặc đơn vị được giao nhiệm vụ đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp có Văn bản đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo mẫu quy định tại Phụ lục II (ban hành kèm theo Thông tư số 14/2024/TT-BCT ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp, cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước và một số mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp).

- Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thông báo rộng rãi việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị thành lập, mở rộng cụm công nghiệp trên phương tiện thông tin đại chúng của địa phương theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP. Chủ trì, phối hợp với doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc đơn vị đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp lập hồ sơ về việc thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định 32/2024/NĐ-CP gửi Sở Công Thương thẩm định trình Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP, trong đó Tờ trình thành lập hoặc mở rộng cụm công nghiệp tập trung đánh giá các nội dung: Sự cần thiết thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; tác động hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án đối với địa phương; Chịu trách nhiệm đánh giá các nội dung về điều kiện thành lập, mở rộng cụm công nghiệp theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP; Đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp với Phương án quy hoạch (bao gồm quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch đô thị và nông thôn, quốc phòng và các nội dung khác có liên quan); đánh giá mức độ phù hợp với kết cấu hạ tầng kỹ thuật và khả năng đáp ứng hạ tầng xã hội của địa phương khi dự án đi vào hoạt động, bao gồm nội dung đánh giá về việc kết nối giao thông của dự án với hệ thống giao thông chung của khu vực, mức độ ảnh hưởng của việc triển khai dự án đối với các tuyến đường trong ranh dự án (nếu có) và phương án thay thế; Đánh giá về khả năng đáp ứng quỹ đất phát triển cụm công nghiệp của địa phương, hiện trạng sử dụng đất trong phạm vi quy hoạch của dự án; khả năng thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (thống kê số trường hợp bị ảnh hưởng, tài sản trên đất khu vực triển khai dự án) và

phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; Xác định tổng diện tích đất dự kiến thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp, trong đó: xác định nguồn gốc đất và rà soát cụ thể từng thửa đất trong hồ sơ địa chính, xác định diện tích đất có nguồn gốc do Nhà nước quản lý, diện tích đất lúa, đất rừng trong ranh dự án (nếu có) và tác động ảnh hưởng của việc chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng theo quy định; Đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư (nếu có).

- Sở Công Thương có trách nhiệm chủ trì, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm định của các sở, ngành, địa phương, đơn vị có liên quan; báo cáo thẩm định trên cơ sở ý kiến thẩm định của các sở ngành, địa phương, đơn vị có liên quan, trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, quyết định.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc có trách nhiệm: Thẩm định sự phù hợp của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp với quy hoạch đô thị và nông thôn.

- Sở Tài chính có trách nhiệm: chủ trì các vấn đề liên quan đến công tác tham mưu chấp thuận chủ trương đầu tư cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật về đầu tư, thỏa thuận ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án cụm công nghiệp sau khi cấp thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư, đánh giá năng lực tài chính của nhà đầu tư và các nội dung khác có liên quan thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường: Thẩm định nhu cầu sử dụng đất, điều kiện giao đất, cho thuê đất và cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với các dự án thuộc thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định pháp luật về đất đai; đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt đối với phần diện tích dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp; phối hợp các sở, ngành xác định dự án có thuộc trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai; ý kiến về sự phù hợp của địa điểm thực hiện dự án với Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch vùng, quy hoạch tổng thể Thành phố và các quy hoạch khác; đánh giá khả năng tác động của dự án đến môi trường; đánh giá việc lựa chọn quy mô, công nghệ các hạng mục công trình xử lý và các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường; việc tuân thủ các quy định về pháp luật bảo vệ môi trường; ý kiến về các quy hoạch khác có liên quan đến quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý chuyên ngành.

- Sở Xây dựng: Xác định cụ thể diện tích và vị trí phần đất phù hợp và phần đất không phù hợp trong phạm vi dự án đang đề xuất (nếu có) trên sơ đồ kèm theo hồ sơ Báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; đánh giá tổng mức đầu tư xây dựng của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định; đánh giá phương án đầu tư xây dựng hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật, cơ cấu sử dụng đất, đánh giá khả năng đầu nối hạ tầng kỹ thuật bên trong và ngoài cụm công nghiệp, kế hoạch, tiến độ triển khai dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; đánh giá sự phù hợp của dự án đối với quy hoạch, kế hoạch phát triển giao thông vận tải; ý kiến đối với báo cáo đánh giá tác động giao thông của dự án cụm công nghiệp; ý kiến về các nội dung khác có liên quan thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành.

- Sở Khoa học và Công nghệ: Tham gia ý kiến về hạ tầng kỹ thuật hệ thống thông tin truyền thông, khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật ngoài cụm công nghiệp. Có ý kiến đối với các nội dung khác liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành.

- Công an Thành phố: Có ý kiến về địa điểm thực hiện dự án có thuộc các khu vực nhạy cảm, địa bàn chiến lược về quốc phòng, an ninh theo quy định pháp luật và đánh giá tác động của dự án đối với tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa bàn khu vực dự án.

- Thuê Thành phố Hồ Chí Minh: Thực hiện kiểm tra, đánh giá và có ý kiến về quá trình nộp thuế của đơn vị đề xuất làm chủ đầu tư. Xác định, giải quyết các ưu đãi miễn giảm tiền thuê, sử dụng đất; giải quyết các ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, cơ sở pháp lý của ưu đãi, đối tượng và điều kiện được hưởng ưu đãi (nếu có).

- Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh: Có ý kiến về lĩnh vực quốc phòng tại phạm vi triển khai dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp.

- Các sở, ngành và các đơn vị có liên quan khác tham gia góp ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ được giao khi nhận được đề nghị phối hợp của cơ quan chủ trì.

2. Điều chỉnh, bãi bỏ Quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

a) Trong quá trình triển khai dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm thực hiện thủ tục điều chỉnh quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp đối với trường hợp việc điều chỉnh làm thay đổi nội dung quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp (tên cụm công nghiệp; diện tích; ngành nghề hoạt động chủ yếu; chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật; quy mô đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, dự kiến tổng

mức vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn đầu tư; tiến độ thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật).

b) Trên cơ sở nội dung đề xuất điều chỉnh quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp của chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, Sở Công Thương chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch – Kiến trúc, Thuế Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan liên quan thẩm định nội dung điều chỉnh theo quy định pháp luật về quản lý, phát triển cụm công nghiệp và các quy định khác có liên quan, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định điều chỉnh quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp.

c) Đối với điều chỉnh chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thì việc đánh giá, lựa chọn chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP.

Điều 7. Xử lý thành lập cụm công nghiệp có trong phương án phát triển cụm công nghiệp hình thành trước Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế quản lý cụm công nghiệp

1. Xử lý thành lập cụm công nghiệp có trong phương án phát triển cụm công nghiệp hình thành trước Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 35 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, phối hợp với các cơ quan đơn vị có liên quan căn cứ tình hình thực tế, hiệu quả hoạt động của các cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động; tổ chức rà soát lại hiện trạng đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hồ sơ pháp lý liên quan của cụm công nghiệp để làm rõ sự cần thiết, phù hợp quy định pháp luật, tính khả thi gửi Sở Công Thương hồ sơ thành lập cụm công nghiệp.

3. Sở Công Thương chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan tổ chức thẩm định theo các nội dung quy định tại Điều 11 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP, trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định thành lập cụm công nghiệp theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP (đã được phân định thẩm quyền theo Điều 11, Điều 12 Nghị định số 139/2025/NĐ-CP).

Điều 8. Lập, phê duyệt, điều chỉnh Quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp

1. Nội dung thực hiện: Việc lập, điều chỉnh, thẩm định và phê duyệt quy hoạch

chi tiết xây dựng cụm công nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP, pháp luật về xây dựng và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

a) Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp tổ chức lập quy hoạch chi tiết xây dựng cụm công nghiệp theo quy định.

b) Đơn vị chủ trì thẩm định, đơn vị phê duyệt: thực hiện theo thẩm quyền được quy định cụ thể tại Điều 5, Điều 6 Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn.

c) Đơn vị phối hợp thẩm định

- Sở Công Thương: Tham gia ý kiến về mục tiêu, tính chất quy hoạch cụm công nghiệp, sự phù hợp với phương án phát triển cụm công nghiệp, sự phù hợp với báo cáo đầu tư thành lập, mở rộng cụm công nghiệp,...

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc: Tham gia có ý kiến về quy chuẩn xây dựng, trình tự lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng trong cụm công nghiệp.

- Sở Xây dựng: Tham gia có ý kiến về hoạt động cấp phép xây dựng trong cụm công nghiệp, suất vốn đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, có ý kiến chấp thuận phương án thiết kế và phương án tổ chức giao thông nút giao đầu nối; có ý kiến đối với báo cáo đánh giá tác động giao thông của dự án (trong trường hợp dự án chưa được đánh giá ở bước thành lập cụm công nghiệp hoặc cần đánh giá lại khi có sự thay đổi về phương án tổ chức giao thông, quy mô cụm,...); cấp phép thi công công trình thiết yếu trong hành lang đường bộ, đầu nối hạ tầng giao thông của cụm công nghiệp vào các tuyến đường Thành phố (đường ĐT); Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố thỏa thuận Bộ Giao thông Vận tải đầu nối hạ tầng giao thông cụm công nghiệp vào các tuyến đường quốc lộ; Thẩm định an toàn giao thông hệ thống hạ tầng giao thông cụm công nghiệp sau thiết kế cơ sở và trước khi nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng;...

- Sở Nông nghiệp và Môi trường: Tham gia có ý kiến về bố trí quy hoạch phân khu chức năng, xem xét việc dự báo các tác động môi trường, các chất thải phát sinh và việc lựa chọn các công nghệ xử lý chất thải của dự án,...

- Sở Khoa học và Công nghệ: Tham gia ý kiến về hạ tầng kỹ thuật hệ thống thông tin truyền thông, khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật ngoài cụm công nghiệp. Có ý kiến đối

với các nội dung khác liên quan đến lĩnh vực chuyên ngành.

- Công an Thành phố: Tham gia ý kiến về các giải pháp phòng cháy và chữa cháy (địa điểm xây dựng công trình, cụm công trình; hệ thống giao thông cho xe chữa cháy; nguồn nước chữa cháy; bố trí địa điểm xây dựng doanh trại cho đơn vị Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy;...).

- Các sở, ngành, phòng ban chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã đối với trường hợp quy hoạch chi tiết xây dựng thuộc thẩm quyền và các đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp đóng góp ý kiến trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị.

Điều 9. Lập, phê duyệt, điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Nội dung lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp thực hiện theo các quy định của pháp luật về xây dựng và các quy định pháp luật có liên quan khác.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

a) Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp lập hồ sơ đề nghị phê duyệt dự án đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp.

b) Đơn vị chủ trì thẩm định: Sở Xây dựng hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã (theo phân cấp tùy theo loại dự án, cấp công trình).

c) Đơn vị phối hợp thẩm định: Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã liên quan có trách nhiệm phối hợp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của đơn vị mình.

Điều 10. Thực hiện các thủ tục về môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Thủ tục môi trường của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

a) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp phải thực hiện Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy phép môi trường của dự án trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện đúng các nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy phép môi trường của dự án sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kinh phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường được bố trí từ

nguồn vốn đầu tư của dự án hoặc từ các nguồn khác.

b) Đơn vị chủ trì thẩm định: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì thực hiện thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy phép môi trường cho dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

c) Đơn vị phối hợp thẩm định: Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã liên quan có trách nhiệm phối hợp trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 11. Thu hồi đất, cho thuê đất đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

1. Nội dung

Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp lập thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện thu hồi đất và cho thuê đất theo quy định. Sau khi được Nhà nước cho thuê đất đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, chủ đầu tư thực hiện cho các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thuê lại đất trong cụm công nghiệp theo quy định.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn, thực hiện việc thu hồi đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật.

b) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm đăng ký nhu cầu sử dụng đất xây dựng cụm công nghiệp với Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án đầu tư xây dựng cụm công nghiệp để đưa vào kế hoạch sử dụng đất, làm cơ sở thực hiện thu hồi đất theo quy định. Thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng đã được phê duyệt.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi để xây dựng cụm công nghiệp chủ trì, tổ chức thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng cụm công nghiệp theo kế hoạch đầu tư xây dựng cụm công nghiệp.

d) Các sở, ngành và các đơn vị có liên quan khác tham gia góp ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ được giao khi nhận được đề nghị phối hợp của cơ quan chủ trì.

Điều 12. Tiếp nhận và thực hiện các thủ tục về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường đối với các dự án đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp

Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu di dời, đầu tư vào cụm công nghiệp liên hệ với chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp để được hướng dẫn về quy

hoạch, bố trí ngành, nghề, giá trị thuê đất, nhà xưởng, kho bãi, văn phòng, sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích, các thủ tục triển khai dự án đầu tư vào cụm công nghiệp và thỏa thuận nguyên tắc về vị trí, địa điểm, diện tích đất công nghiệp dự kiến thuê.

Các thủ tục hành chính liên quan đến dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và dự án sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp đảm bảo thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định.

1. Chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có)

a) Trong trường hợp Nhà đầu tư đề xuất thực hiện các dự án sản xuất kinh doanh, dịch vụ trong cụm công nghiệp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở ngành có liên quan thẩm định hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư, trình Ủy ban nhân dân Thành phố theo quy định;

b) Các sở, ngành và các đơn vị có liên quan khác tham gia góp ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ được giao khi nhận được đề nghị phối hợp của cơ quan chủ trì.

2. Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư sản xuất vào cụm công nghiệp (nếu có)

a) Căn cứ hồ sơ đề xuất của Nhà đầu tư và Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có) của dự án, Sở Tài chính chủ trì cấp, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong trường hợp Dự án thuộc trường hợp thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư”.

b) Các sở, ngành và các đơn vị có liên quan khác tham gia góp ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ được giao khi nhận được đề nghị phối hợp của cơ quan chủ trì.

3. Thủ tục môi trường

a) Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn theo thẩm quyền các thủ tục về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

b) Các sở, ngành và các đơn vị có liên quan khác tham gia góp ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ được giao khi nhận được đề nghị phối hợp của cơ quan chủ trì.

4. Thủ tục thuê lại đất

a) Các tổ chức, cá nhân đầu tư vào cụm công nghiệp thực hiện thủ tục thuê lại đất theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP.

b) Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm hướng

dẫn giá thuê đất, nhà xưởng, kho bãi, văn phòng; ký hợp đồng cho thuê đất đối với nhà đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp đối với cụm công nghiệp do doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh làm chủ đầu tư.

c) Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn các nhà đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp thực hiện thuê đất theo quy định của pháp luật đất đai đối với cụm công nghiệp không do doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh làm chủ đầu tư.

d) Các sở, ngành và các đơn vị có liên quan khác tham gia góp ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ được giao khi nhận được đề nghị phối hợp của cơ quan chủ trì.

5. Cấp giấy phép xây dựng

a) Sở Xây dựng có trách nhiệm cấp giấy phép xây dựng đối với các dự án công trình theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố.

b) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm cấp giấy phép xây dựng theo thẩm quyền đối với các dự án công trình đầu tư sản xuất kinh doanh vào cụm công nghiệp theo quy định.

c) Các sở, ngành và các đơn vị có liên quan khác tham gia góp ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ được giao khi nhận được đề nghị phối hợp của cơ quan chủ trì.

6. Lập, thẩm duyệt, thiết kế, nghiệm thu công trình phòng cháy chữa cháy trong cụm công nghiệp: Thực hiện theo quy định pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

7. Trách nhiệm của chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp

a) Đầu tư xây dựng, đảm bảo tiến độ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (bao gồm các công trình hạ tầng bảo vệ môi trường theo quy định); chủ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp chỉ được phép tiếp nhận dự án đầu tư thứ cấp vào cụm công nghiệp khi được cơ quan có thẩm quyền xác nhận hoàn thành hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định.

b) Xây dựng Quy chế cung cấp, quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích trong cụm công nghiệp trước khi tiếp nhận dự án thứ cấp vào hoạt động sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp.

c) Quản lý, vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp, duy tu bảo dưỡng và đảm bảo hoạt động thường xuyên của hệ thống công trình hạ tầng kỹ

thuật chung và tổ chức cung cấp các dịch vụ, tiện ích trong cụm công nghiệp theo quy định của pháp luật.

d) Phân khu chức năng, các loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải tuân thủ các chỉ tiêu kiến trúc quy hoạch và các chỉ tiêu môi trường theo quy định của pháp luật về xây dựng và môi trường.

đ) Có trách nhiệm thực hiện đầy đủ về yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cụm công nghiệp theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành.

e) Nhà đầu tư có trách nhiệm ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư theo quy định pháp luật về đầu tư.

g) Triển khai hệ thống camera giám sát an ninh, an toàn giao thông để kết nối liên thông chia sẻ dữ liệu với ngành công an và đơn vị có liên quan trên địa bàn Thành phố.

h) Thực hiện nhiệm vụ khác do cơ quan có thẩm quyền giao và theo quy định của pháp luật.

8. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp

a) Thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý về đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp và báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh định kỳ theo quy định.

b) Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đăng ký kinh doanh, đầu tư, tài chính, kế toán, kiểm toán, thống kê, bảo hiểm, lao động, quy định về an toàn công nghiệp, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy nổ, an ninh trật tự và quy định về điều kiện kinh doanh khác.

c) Ký và thực hiện biên bản, hợp đồng thỏa thuận với chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp về đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp.

d) Chịu trách nhiệm thỏa thuận với chủ đầu tư các dự án sản xuất, kinh doanh hiện hữu trong cụm công nghiệp về việc thực hiện đấu nối sử dụng hạ tầng cụm công nghiệp, trả chi phí sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ công cộng và các dịch vụ khác tương ứng với mức độ sử dụng theo thỏa thuận giữa hai bên, phù hợp với Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích và quy định về quản lý, phát triển

cụm công nghiệp.

Điều 13. Quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích

1. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm tổ chức cung cấp, quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp; xây dựng, phê duyệt Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích trước khi tiếp nhận tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh vào cụm công nghiệp không trái quy định của pháp luật và gửi Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp xã 01 bản chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày phê duyệt để theo dõi, quản lý; trường hợp đã có tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp thì trước khi phê duyệt Quy chế quản lý các dịch vụ công cộng, tiện ích phải lấy ý kiến tổ chức, cá nhân trong cụm công nghiệp.

Giá sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích được xác định trên nguyên tắc thỏa thuận thông qua hợp đồng ký kết giữa tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ và chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp. Trường hợp không thỏa thuận được, chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Các doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp có trách nhiệm sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp đúng mục đích, bảo vệ các công trình công cộng, thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Quy chế này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Việc giải quyết các khiếu nại, tranh chấp phát sinh trong quản lý, cung cấp, sử dụng các dịch vụ công cộng, tiện ích chung trong cụm công nghiệp thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác thông tin báo cáo

1. Các nội dung về hoạt động sản xuất kinh doanh cần quản lý: hoạt động của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; hoạt động của các dự án đầu tư thứ cấp trong cụm công nghiệp; tình hình hoạt động của các cụm công nghiệp trên địa bàn cấp xã; tình hình hoạt động của các cụm công nghiệp trên địa bàn cấp Thành phố.

2. Công tác thông tin báo cáo

a) Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp xã, các chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong cụm công

nghiệp thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều 3 Thông tư số 14/2024/TT-BCT ngày 15 tháng 8 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương Quy định chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp, cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước và một số mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

b) Tổ chức, cá nhân trong cụm công nghiệp báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh gửi cơ quan thống kê trên địa bàn theo quy định của Luật Thống kê. Định kỳ hàng quý, năm, cơ quan thống kê trên địa bàn có trách nhiệm tổng hợp tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp gửi Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp xã để quản lý.

c) Ngoài ra, Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp xã, các chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trong cụm công nghiệp còn phải thực hiện các báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 15. Công tác thanh tra, kiểm tra

1. Nội dung thanh tra, kiểm tra

a) Thanh tra, kiểm tra, giám sát hàng năm đối với chủ đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong cụm công nghiệp việc chấp hành chính sách pháp luật về đầu tư, xây dựng, sản xuất kinh doanh, bảo vệ môi trường.

b) Thanh tra, kiểm tra, giám sát về việc sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước được hỗ trợ phục vụ phát triển cụm công nghiệp theo đúng quy định.

2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

Các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị liên quan có thẩm quyền có trách nhiệm thường xuyên thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong cụm công nghiệp.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Khen thưởng, xử lý vi phạm

1. Các tổ chức, cá nhân có thành tích tốt trong việc tổ chức thực hiện Quy chế này sẽ được Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét khen thưởng theo quy định.

2. Các tập thể, cá nhân vi phạm Quy chế này, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Công Thương là cơ quan đầu mối, chủ trì phối hợp với các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện Quy chế này, phổ biến tới các doanh nghiệp đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài có liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong cụm công nghiệp; có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, giám sát việc thực hiện Quy chế đồng thời tổ chức tổng kết, đánh giá việc thực hiện Quy chế này hàng năm.

2. Các sở, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình có trách nhiệm hướng dẫn các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp về nghiệp vụ quản lý chuyên ngành theo quy định của pháp luật; định kỳ hàng năm trước ngày 15 tháng 12 báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố thông qua Sở Công Thương về việc thực hiện Quy chế này.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có những vấn đề phát sinh cần phải sửa đổi, bổ sung, đề nghị các sở, ngành, địa phương gửi văn bản cho Sở Công Thương để tổng hợp, đề xuất trình Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét quyết định, điều chỉnh theo quy định./.

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, phường Sài Gòn

Điện thoại: (028)38.233.686

Fax: (028)38.233.694

Email: t tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: <https://congbao.hochiminhcity.gov.vn>